

Số: 339/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 03 tháng 4 năm 2025

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học Khóa 2025**

#### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ**

*Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;*

*Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục Đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;*

*Căn cứ Biên bản số 364/BB-ĐHKTCN ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành chương trình đào tạo của 22 ngành đào tạo đại học Khóa 2025, thuộc Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ (đính kèm phụ lục).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Các thủ trưởng đơn vị thuộc Trường, các cá nhân và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

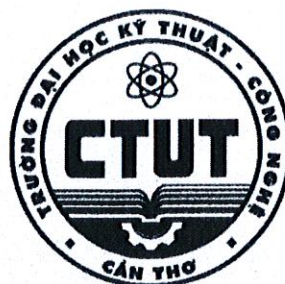
#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Công TTĐT Trường;
- Lưu: VT, P.ĐT.



**NGND.PGS.TS Huỳnh Thanh Nhã**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ ANH

*Định hướng ứng dụng*

Cần Thơ, 2025



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH (Tiếng Việt): NGÔN NGỮ ANH

TÊN NGÀNH (Tiếng Anh): ENGLISH STUDIES

TRÌNH ĐỘ: ĐẠI HỌC (ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG)

MÃ NGÀNH: 7220201

Cần Thơ, 2025



## MỤC LỤC

|                                                                              |    |
|------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>                                         | 5  |
| 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG                                                           | 5  |
| 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO                                           | 5  |
| 3. THÔNG TIN CHUNG                                                           | 6  |
| 4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO                                                          | 7  |
| 4.1. Mục tiêu chung                                                          | 7  |
| 4.2. Mục tiêu cụ thể                                                         | 7  |
| 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO                                         | 8  |
| 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA                                            | 9  |
| 7. TUYỂN SINH                                                                | 9  |
| 8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO                                             | 10 |
| 9. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC                                                       | 15 |
| 9.1. Phương pháp giảng dạy                                                   | 15 |
| 9.2. Phương pháp học tập của người học                                       | 16 |
| 9.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành                                         | 16 |
| 9.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy và học tập với CDR của CTĐT | 17 |
| 10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ                                            | 17 |
| 10.1. Lý thuyết                                                              | 17 |
| 10.2. Thực hành                                                              | 18 |
| 10.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT          | 18 |
| 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO                                 | 18 |
| 11.1. Quy trình đào tạo                                                      | 18 |
| 11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo và kế hoạch đào tạo                 | 19 |
| 11.3. Tổ chức thi kết thúc học phần                                          | 22 |
| 11.4. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp                                  | 22 |
| <b>B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>                | 22 |
| <b>C. TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>                                                 | 56 |
| 1. Tài liệu giảng dạy                                                        | 56 |
| 2. Tài liệu hướng dẫn tự học                                                 | 65 |
| 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu                                                 | 84 |
| 4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa                                         | 87 |
| <b>D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN</b>                                         | 89 |
| <b>E. PHỤ LỤC</b>                                                            | 89 |



|                                                                                                   |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường ..... | 89 |
| Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CĐR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường .....      | 89 |
| Phụ lục 3. Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và CĐR của CTĐT (PLOs) .....                            | 89 |
| Phụ lục 4. Ma trận kết nối giữa CĐR CTĐT với Khung NLTĐQG .....                                   | 90 |
| Phụ lục 5. Ma trận tương thích giữa học phần, khối lượng kiến thức với CĐR của CTĐT .....         | 91 |
| Phụ lục 6. Đối sánh khung chương trình đào tạo .....                                              | 96 |





## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 339/QĐ-ĐHKTCN ngày 03 tháng 4 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)*

### A. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### 1. CĂN CỨ XÂY DỰNG

Luật số 43/2019/QH14 Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục Đại học;

Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 73/QĐ-HĐT ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Hội đồng trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Quyết định số 400/QĐ-ĐHKTCN ngày ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Quyết định số 258/QĐ-ĐHKTCN ngày 14 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học.

#### 2. GIỚI THIỆU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo (CTĐT) cử nhân Ngành Ngôn ngữ Anh định hướng ứng dụng tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ được thiết kế nhằm đáp ứng thiết thực nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng vận dụng kiến thức, đồng thời hội nhập lĩnh vực giáo dục, khoa học công nghệ, thương mại và dịch vụ du lịch và đảm nhận công việc một cách tự tin ngay sau khi người học ra trường. Chương trình được thiết kế theo hướng cụ thể hóa kiến thức gắn với thực tế nghề



nghiệp, đặt trọng tâm vào quá trình đào tạo nghiệp vụ, phối hợp với các tổ chức sử dụng lao động đào tạo theo thực tế ngành nghề.

Chương trình được thiết kế với thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn bốn năm, khối lượng 130 tín chỉ, trong đó thực hiện 10 tín chỉ tốt nghiệp.

Trưởng khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo kế hoạch chung của Trường. Việc dự thảo nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

### 3. THÔNG TIN CHUNG

Tên chương trình đào tạo: **Ngôn ngữ Anh**

Trình độ: **Đại học**

Định hướng đào tạo: **Ứng dụng**

Văn bằng tốt nghiệp: **Cử nhân Ngôn ngữ Anh**

Mã ngành đào tạo: **7220201**

Thời gian đào tạo: **04 năm**

Số tín chỉ yêu cầu: **130 tín chỉ** (chưa bao gồm tín chỉ Giáo dục quốc phòng, an ninh và giáo dục thể chất theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo)

Khoa quản lý: **Khoa Khoa học xã hội**

Ngôn ngữ sử dụng: **Tiếng Việt**

Chứng nhận chất lượng:

Website: [www.khoakhxh.ctuet.edu.vn](http://www.khoakhxh.ctuet.edu.vn)

#### **Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo**

- Luật Giáo dục đại học; Khung trình độ quốc gia Việt Nam; Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT);

- Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh của các trường: Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Cần Thơ, Trường Đại học Trà Vinh, ...

**Năm rà soát, cập nhật: 2025**

#### **Vị trí việc làm:**

- Trợ lý ngôn ngữ tiếng Anh (trong các dự án chính phủ và phi chính phủ, các tập đoàn, công ty, ngân hàng, trung tâm tư vấn du học, xuất nhập cảnh...);

- Biên tập viên, phiên dịch và biên dịch viên tiếng Anh (trong các cơ quan thông tấn báo chí, viện bảo tàng, cơ quan đối ngoại...);



- Nghiên cứu viên (trong các viện nghiên cứu về ngôn ngữ học tiếng Anh, văn hóa và văn chương các nước nói tiếng Anh); - Hướng dẫn viên (hành nghề tự do hoặc làm việc trong các công ty du lịch và lữ hành...);

- Ngoài ra có thể làm giáo viên tiếng Anh (trong các cơ sở giáo dục và trung tâm ngoại ngữ nếu đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở và trung tâm này).

### **Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

- Có năng lực cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu, sáng tạo trong chuyên môn và trong công việc;

- Nắm vững kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ, phương pháp học và nghiên cứu để tiếp tục học tập sau đại học đối với các chuyên ngành: Ngôn ngữ học tiếng Anh, Ngôn ngữ học ứng dụng và Giao tiếp liên văn hóa, Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Anh, So sánh ngôn ngữ... tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.

## **4. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO**

### **4.1. Mục tiêu chung**

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh theo định hướng ứng dụng đào tạo những cử nhân khoa học xã hội nhân văn (Bachelor of Art) có kiến thức chuyên môn vững vàng, có kỹ năng thích ứng cao trong những môi trường làm việc, học tập đa dạng, có phẩm chất của công dân toàn cầu, đáp ứng nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng với yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và cả nước.

### **4.2. Mục tiêu cụ thể**

Trang bị cho người học đầy đủ kiến thức và kỹ năng chuyên môn, tác phong chuyên nghiệp, năng lực tự chủ và trách nhiệm làm nền tảng vững chắc cho sự thành công trong hoạt động nghề nghiệp. Cụ thể như sau:

#### **- Về kiến thức:**

+ **PO1.** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về lý luận chính trị và pháp luật, kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức quốc phòng - an ninh để có thể tiếp thu kiến thức chuyên ngành và học tập ở trình độ cao hơn;

+ **PO2.** Trang bị cho người học kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin và ngoại ngữ 2 nhằm hỗ trợ học tập và hội nhập;

+ **PO3.** Trang bị cho người học khối kiến thức chuyên môn và năng lực tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

#### **- Về kỹ năng:**

+ **PO4.** Phát triển các kỹ năng chuyên môn, năng lực tư duy phản biện, làm việc độc lập/nhóm, khả năng giao tiếp hiệu quả, khả năng giải quyết vấn đề, ra quyết định, phân tích và đánh giá các xu hướng phát triển trong lĩnh vực ngành nghề của mình để định hướng, và đưa ra được các giải pháp chuyên môn phù hợp trong quá trình làm việc.

#### **- Về mức độ tự chủ và trách nhiệm:**

+ **PO5.** Phát triển phẩm chất đạo đức, sức khỏe, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và khả năng hành xử trong môi trường toàn cầu hóa;



+ **PO6.** Nâng cao năng lực tự học, sáng tạo, khởi nghiệp và thích ứng với môi trường việc làm thay đổi nhanh chóng.

## 5. CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ đại học Ngành Ngôn ngữ Anh được thiết kế đảm bảo người học tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra chung của ngành như sau:

### - Về kiến thức

+ **PLO1.** Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội - nhân văn, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh vào học tập và hoạt động nghề nghiệp;

+ **PLO2.** Ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ hai (tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) để hỗ trợ học tập, nghiên cứu và hội nhập;

+ **PLO3.** Tích hợp được các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh (tương đương bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam) và các kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Ngôn ngữ học tiếng Anh, văn học - văn hóa các nước nói tiếng Anh, dịch thuật và giảng dạy tiếng Anh để vận dụng sáng tạo vào hoạt động học thuật và nghề nghiệp;

+ **PLO4.** Vận dụng kiến thức nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực sử dụng tiếng Anh học thuật và nghề nghiệp.

### - Về kỹ năng

+ **PLO5.** Sử dụng kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh một cách hiệu quả trong giao tiếp, chuyên môn, học thuật phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp trong môi trường linh hoạt, đa lĩnh vực;

+ **PLO6a.** Vận dụng linh hoạt khả năng tư duy phản biện, kỹ năng học thuật, kỹ năng làm việc độc lập và hợp tác nhóm trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa;

+ **PLO6b.** Trình bày, truyền đạt, hướng dẫn và đào tạo kiến thức chuyên môn bằng tiếng Anh trong các tình huống nghề nghiệp và giáo dục;

+ **PLO7.** Vận dụng kỹ năng giải quyết vấn đề, sáng tạo và khởi nghiệp phù hợp với yêu cầu nghề nghiệp trong môi trường linh hoạt, biến động và cạnh tranh cao.

### - Mức tự chủ và trách nhiệm

+ **PLO8.** Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội và hành vi ứng xử phù hợp trong môi trường học tập, công việc và xã hội;

+ **PLO9.** Tự định hướng học tập và phát triển nghề nghiệp; có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý thời gian, đánh giá hiệu quả công việc và nâng cao năng lực bản thân theo định hướng học tập suốt đời và thích ứng với môi trường làm việc thay đổi, toàn cầu hóa.



## 6. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

| TT       | Định hướng ứng dụng                          |            |               |
|----------|----------------------------------------------|------------|---------------|
|          | Khối lượng kiến thức                         | Số tín chỉ | Tỷ lệ %       |
| <b>1</b> | <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b>     | <b>27</b>  | <b>20,76%</b> |
| 1.1      | Kiến thức lý luận chính trị                  | 11         | 8,46%         |
| 1.2      | Kiến thức pháp luật                          | 02         | 1,53%         |
| 1.3      | Ngoại ngữ                                    | 10         | 7,69%         |
| 1.4      | Tin học ứng dụng                             | 02         | 1,53%         |
| 1.5      | Khoa học xã hội và nhân văn                  | 02         | 1,53%         |
| <b>2</b> | <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b> | <b>103</b> | <b>79,23%</b> |
| 2.1      | Kiến thức cơ sở ngành                        | 41         | 31,53%        |
| 2.2      | Kiến thức ngành                              | 62         | 47,69%        |
| 2.2.1    | Học phần bắt buộc                            | 40         | 30,76%        |
| 2.2.2    | Học phần tự chọn                             | 22         | 30,76%        |
|          | <b>Tổng</b>                                  | <b>130</b> | <b>100%</b>   |

## 7. TUYỂN SINH

Hằng năm, Trường xây dựng đề án tuyển sinh với các nội dung chi tiết về đối tượng tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh của ngành đào tạo phù hợp với năng lực đào tạo và các quy định về tuyển sinh do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành.

### 7.1 Thông tin tuyển sinh

Căn cứ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo Đề án tuyển sinh năm 2022 của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ ([www.ctuet.edu.vn](http://www.ctuet.edu.vn)).

Vùng tuyển sinh: Thành phố Cần Thơ, vùng ĐBSCL và cả nước.

Đối tượng tuyển sinh: Các thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT).

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021-2022: 70

### 7.2. Phương thức tuyển sinh

- Phương thức 1: Sử dụng kết quả học bạ THPT. Tổng điểm trung bình 3 (ba) môn trong tổ hợp xét tuyển (của cả năm lớp 10, lớp 11, và học kỳ I lớp 12) hoặc cả năm lớp 12 đạt từ 18 điểm trở lên (làm tròn đến số thập phân thứ 2).

- Phương thức 2: Sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT. Tổng điểm 3 (ba) môn thi tốt nghiệp THPT trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 18 điểm trở lên.

- Phương thức 3: Sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực 2022 của Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh đạt từ 600 điểm trở lên.



**7.3. Tổ hợp xét tuyển:**

D01: Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh

D14: Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh

D15: Ngữ văn, Địa lý, Tiếng Anh

X78: Ngữ văn, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh

D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

D11: Toán, Giáo dục Kinh tế và pháp luật, Tiếng Anh

X25: Ngữ văn, Vật lý, Tiếng Anh

**7.4. Hình thức đăng ký xét tuyển và nộp hồ sơ**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo hướng dẫn của Trường, đồng thời nhập thông tin đăng ký xét tuyển vào Trường trên Cổng tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Thí sinh gửi hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường hoặc gửi qua đường bưu điện về địa chỉ: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ: Số 256 Nguyễn Văn Cừ, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

**8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

| TT                                   | Tên học phần                                                           |                                                                 | Định hướng ứng dụng |            |    |
|--------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|------------|----|
|                                      | Tiếng Việt                                                             | Tiếng Anh                                                       | Tổng số TC          | Phân bố TC |    |
|                                      |                                                                        |                                                                 |                     | LT         | TH |
| 1. Khối kiến thức Giáo dục đại cương |                                                                        |                                                                 | 38                  | 36         | 02 |
| a                                    | Kiến thức giáo dục quốc phòng – an ninh                                |                                                                 |                     |            |    |
| 1                                    | GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam* | Defense and Security Policies of the Communist Party of Vietnam | 2                   | 37         | 8  |
| 2                                    | GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*                             | Mission of National Defense and Security                        | 2                   | 22         | 8  |
| 3                                    | GDQP&AN 3: Quân sự chung*                                              | Military                                                        | 2                   | 14         | 16 |
| 4                                    | GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*                  | Infantry Fighting Techniques and Tactics                        | 2                   | 4          | 56 |



|          |                                              |                                       |   |    |    |
|----------|----------------------------------------------|---------------------------------------|---|----|----|
| <b>b</b> | <b>Giáo dục thể chất</b>                     |                                       |   |    |    |
| 5        | Giáo dục thể chất 1*                         | Physical Education 1                  | 1 | 15 | 15 |
| 6        | Giáo dục thể chất 2*                         | Physical Education 2                  | 1 | 15 | 15 |
| 7        | Giáo dục thể chất 3*                         | Physical Education 3                  | 1 | 15 | 15 |
| <b>c</b> | <b>Kiến thức lý luận chính trị</b>           |                                       |   |    |    |
| 8        | Triết học Mác - Lênin                        | Marxist - Leninist philosophy         | 3 | 3  | 0  |
| 9        | Kinh tế chính trị Mác-Lênin                  | Marxist-Leninist Political Economics  | 2 | 2  | 0  |
| 10       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                    | Scientific Socialism                  | 2 | 2  | 0  |
| 11       | Tư tưởng Hồ Chí Minh                         | Ho Chi Minh's Ideology                | 2 | 2  | 0  |
| 12       | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam               | History of Vietnamese Communist Party | 2 | 2  | 0  |
| <b>d</b> | <b>Kiến thức pháp luật</b>                   |                                       |   |    |    |
| 13       | Pháp luật đại cương                          | Basic Law                             | 2 | 2  | 0  |
| <b>e</b> | <b>Ngoại ngữ</b>                             |                                       |   |    |    |
| 14       | Pháp văn căn bản 1                           | General French 1                      | 4 | 4  | 0  |
|          | Nhật ngữ căn bản 1                           | General Japanese 1                    |   |    |    |
| 15       | Pháp văn căn bản 2                           | General French 2                      | 3 | 3  | 0  |
|          | Nhật ngữ căn bản 2                           | General Japanese 2                    |   |    |    |
| 16       | Pháp văn căn bản 3                           | General French 3                      | 3 | 3  | 0  |
|          | Nhật ngữ căn bản 3                           | General Japanese 3                    |   |    |    |
| <b>f</b> | <b>Tin học</b>                               |                                       |   |    |    |
| 17       | Tin học ứng dụng                             | Applied Informatics                   | 2 | 1  | 1  |
| <b>g</b> | <b>Kiến thức khoa học xã hội và nhân văn</b> |                                       |   |    |    |
| 18       | Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp              | Entrepreneurship and Innovation       | 2 | 2  | 0  |
| 19       | Văn bản và lưu trữ đại cương                 | Administrative Texts and Archives     | 2 |    | 0  |



| <b>2. Khôĩ kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b> |                                                             |                                                              | <b>103</b> | <b>91</b> | <b>12</b> |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|------------|-----------|-----------|
| <b>a</b>                                        | <b>Kiến thức cơ sở ngành</b>                                |                                                              | <b>41</b>  | <b>41</b> | <b>0</b>  |
| 20                                              | Đọc 1                                                       | Basic Reading                                                | 3          | 3         | 0         |
| 21                                              | Đọc 2                                                       | Intermediate Reading                                         | 3          | 3         | 0         |
| 22                                              | Đọc 3                                                       | Advanced Reading                                             | 3          | 3         | 0         |
| 23                                              | Nghe - Nói 1                                                | Basic Listening - Speaking                                   | 3          | 3         | 0         |
| 24                                              | Nghe - Nói 2                                                | Intermediate Listening - Speaking 2                          | 3          | 3         | 0         |
| 25                                              | Nghe - Nói 3                                                | Advanced Listening - Speaking                                | 3          | 3         | 0         |
| 26                                              | Viết 1                                                      | Basic Writing                                                | 3          | 3         | 0         |
| 27                                              | Viết 2                                                      | Intermediate Writing                                         | 3          | 3         | 0         |
| 28                                              | Viết 3                                                      | Advanced Writing                                             | 3          | 3         | 0         |
| 29                                              | Ngữ âm thực hành 1                                          | English Pronunciation 1                                      | 2          | 2         | 0         |
| 30                                              | Ngữ âm thực hành 2                                          | English Pronunciation 2                                      | 2          | 2         | 0         |
| 31                                              | Ngữ pháp 1                                                  | Basic English Grammar                                        | 3          | 3         | 0         |
| 32                                              | Ngữ pháp 2                                                  | Intermediate Grammar                                         | 3          | 3         | 0         |
| 33                                              | Ngữ pháp 3                                                  | Advanced Grammar                                             | 2          | 2         | 0         |
| 34                                              | Công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo                   | Digital Technology and Artificial Intelligence               | 2          | 2         | 0         |
| <b>b</b>                                        | <b>Kiến thức ngành</b>                                      |                                                              | <b>62</b>  | <b>50</b> | <b>12</b> |
|                                                 | <b>Học phần bắt buộc</b>                                    |                                                              | <b>40</b>  | <b>38</b> | <b>02</b> |
| 35                                              | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (tiếng Anh) | Research Methodology and Scientific Writing Report (English) | 3          | 3         | 0         |



|    |                                              |                                            |           |           |           |
|----|----------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------|-----------|-----------|
| 36 | Pháp luật về hội nhập quốc tế                | Laws on the international integration      | 2         | 2         | 0         |
| 37 | Dẫn luận ngôn ngữ                            | An Introduction to Language                | 3         | 3         | 0         |
| 38 | Lý thuyết dịch                               | Theory of Translation                      | 2         | 2         | 0         |
| 39 | Ngữ nghĩa và Ngữ dụng học                    | Semantics and Pragmatics                   | 3         | 3         | 0         |
| 40 | Biên dịch thực hành                          | Translation                                | 3         | 3         | 0         |
| 41 | Ngữ âm - Âm vị học                           | Phonetics - Phonology                      | 3         | 3         | 0         |
| 42 | Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng | Presenting and Public Speaking Skills      | 3         | 3         | 0         |
| 43 | Phiên dịch thực hành                         | Interpretation                             | 3         | 3         | 0         |
| 44 | Văn hóa Anh - Mỹ                             | British and American Cultures              | 3         | 3         | 0         |
| 45 | Từ pháp và Cú pháp học                       | Morphology and Syntax                      | 3         | 3         | 0         |
| 46 | Thực tế thực hành nghề nghiệp - Ngôn ngữ Anh | Field Trip                                 | 2         | 0         | 2         |
| 47 | Dẫn luận văn chương                          | An Introduction to Literature              | 2         | 2         | 0         |
| 48 | Văn học Anh - Mỹ                             | British and American Literature            | 2         | 2         | 0         |
| 49 | Viết học thuật                               | Academic Writing                           | 3         | 3         | 0         |
|    | <b>Học phần tự chọn</b>                      |                                            | <b>22</b> | <b>12</b> | <b>10</b> |
| 50 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1            | Methodology of English Language Teaching 1 | 2         | 4         | 0         |
| 51 | Tiếng Anh Thương mại                         | English Business                           | 2         |           | 0         |



|    |                                                            |                                                                                   |    |    |    |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|----|----|----|
| 52 | Biên dịch báo chí                                          | Press Translation                                                                 | 2  |    | 0  |
| 53 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2                          | Methodology of English Language Teaching 2                                        | 2  |    | 0  |
| 54 | Biên dịch văn học - điện ảnh                               | Literary and Film Translation                                                     | 2  | 4  | 0  |
| 55 | Tiếng Anh du lịch                                          | English for Tourism                                                               |    |    |    |
| 56 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh    | Planning field trips and extra-curriculum activities in English language teaching | 2  | 4  | 0  |
| 57 | Phiên dịch thương mại                                      | Business Interpretation                                                           | 2  |    | 0  |
| 58 | Tiếng Anh nhà hàng khách sạn                               | English for Hotels and Restaurants                                                | 2  |    | 0  |
|    | <b>Thực tập, khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế</b> |                                                                                   |    |    |    |
| 59 | Thực tập tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh                         | Graduation Internship - English Studies                                           | 10 | 0  | 10 |
| 60 | Khóa luận tốt nghiệp                                       | Graduation Thesis                                                                 | 10 | 0  |    |
|    | <b>Các học phần thay thế</b>                               |                                                                                   |    |    |    |
| 61 | Văn hóa các nước nói tiếng Anh                             | Cultures of English Speaking Countries                                            | 2  | 10 | 00 |
| 62 | Ngôn ngữ học đối chiếu                                     | Contrastive Linguistics                                                           | 2  |    |    |
| 63 | Giao tiếp liên văn hóa                                     | Intercultural Communication                                                       | 2  |    |    |
| 64 | Tiếng Anh văn phòng                                        | English for Offices                                                               | 2  |    |    |



|                                  |                                                      |                                          |     |     |    |
|----------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------|-----|-----|----|
| 65                               | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics                     | English of Logistics                     | 2   |     |    |
| 66                               | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp - Ngôn ngữ Anh | Professional Topic in Enterprise Context | 2   |     |    |
| <b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b> |                                                      |                                          | 130 | 130 | 00 |

*Giải thích từ viết tắt: Tín chỉ (TC), lý thuyết (LT), thực hành (TH)*

*(\*): Học phần điều kiện, không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.*

## **9. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

### **9.1. Phương pháp giảng dạy**

#### **9.1.1. Lý thuyết**

- Thuyết giảng: Giảng viên truyền đạt kiến thức qua bài giảng lý thuyết, sử dụng các công cụ hỗ trợ như slide, bảng, tài liệu, và học liệu số.
- Trình bày trực quan: Giảng viên sử dụng các hình ảnh, bảng mô phỏng, học liệu số để trình bày cho người học thấy một cách cụ thể về các vấn đề liên quan đến bài học.
- Tổ chức học tập theo nhóm: Giảng viên tổ chức lớp theo nhóm, giao nhiệm vụ và hướng dẫn các nhóm hợp tác thực hiện.
- Giảng dạy thông qua thảo luận: Giảng viên đưa ra câu hỏi, tổ chức thảo luận giúp sinh viên hiểu bài qua trao đổi chung hoặc theo nhóm.
- Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy: Giảng viên cung cấp bài báo khoa học, học liệu số liên quan môn học, sinh viên thực hiện nhiệm vụ dựa trên nội dung đó theo cá nhân hoặc nhóm.
- Dạy học tích hợp: Giảng viên lồng ghép kiến thức liên môn, giao nhiệm vụ thực tiễn; sinh viên trao đổi, áp dụng kiến thức đa lĩnh vực để hoàn thành nhiệm vụ.

#### **9.1.2. Thực hành**

- Đóng vai: Giảng viên chuẩn bị kịch bản liên quan môn học và phân vai sinh viên thực hiện, các sinh viên còn lại đóng vai trò khán giả và người đánh giá.
- Dạy học dựa trên tình huống: Giảng viên xây dựng tình huống liên quan bài học, sinh viên giải đáp tình huống theo cá nhân hoặc theo nhóm.
- Dạy học dựa trên vấn đề: Giảng viên xây dựng vấn đề liên quan bài học, sinh viên giải quyết vấn đề theo cá nhân hoặc theo nhóm.
- Dạy học thông qua dự án: Giảng viên thiết kế nội dung dự án và hướng dẫn sinh viên thực hiện theo cá nhân hoặc theo nhóm.
- Thực tập tại doanh nghiệp: Giảng viên hướng dẫn, định hướng. Người học thực tập trực tiếp tại các doanh nghiệp, thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của giảng viên và đơn vị thực tập.



## 9.2. Phương pháp học tập của người học

### 9.2.1. Lý thuyết

- Nghiên cứu tài liệu, bài giảng, làm bài tập trước khi đến lớp.
- Lắng nghe, trả lời câu hỏi, đặt câu hỏi.
- Phân chia nhóm, trao đổi, thảo luận, báo cáo, nộp sản phẩm thảo luận.

### 9.2.2. Thực hành

- Nghiên cứu tài liệu, bài giảng, làm bài tập trước khi đến lớp.
- Thực hành đóng vai theo nội dung bài học,
- Giải đáp tình huống, giải quyết vấn đề, thực hiện dự án theo cá nhân hoặc theo nhóm.
- Thực tập trực tiếp tại doanh nghiệp theo hướng dẫn của giảng viên và đơn vị thực tập.

### 9.2.3. Hướng dẫn tự học

- Hướng dẫn và chia nhóm: Mỗi nhóm tối đa 5 người học, bầu nhóm trưởng.
- Nhóm trưởng nhận chủ đề nghiên cứu và báo cáo từ giảng viên đứng lớp.
- Nhóm trưởng phân công các thành viên trong nhóm triển khai các công việc (ghi nhận, đánh giá chất lượng và thời gian thực hiện của các thành viên).
- Hoàn thành sản phẩm đúng yêu cầu và thời gian quy định của giảng viên.
- Nghiên cứu giáo trình chính và làm bài tập cuối mỗi chương.

### 9.2.4. Phương pháp tự học

- Đặt mục tiêu thực tế, phù hợp với năng lực và điều kiện của người học.
- Chia nhỏ thời gian các buổi tự học và tiến hành đều đặn.
- Xây dựng và duy trì môi trường tự học.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu để chuẩn bị bài trước buổi học và ôn tập bài sau buổi học.
- Thực hành độc lập: Tạo điều kiện để người học tự thực hành và áp dụng kiến thức đã học vào các tình huống thực tế.

## 9.3. Phương pháp hướng dẫn thực hành

- Quan sát và chỉ dẫn: Giảng viên theo dõi quá trình thực hành của người học, đưa ra những chỉ dẫn cụ thể và kịp thời.
- Phản hồi và đánh giá: Giảng viên phản hồi chi tiết về kết quả thực hành của người học, chỉ ra những điểm mạnh và những điểm cần cải thiện.
- Mô hình thực hành: Sử dụng các mô hình thực hành có sẵn hoặc tự xây dựng để người học dễ dàng áp dụng kiến thức vào thực tế.



#### 9.4. Ma trận liên kết giữa Phương pháp giảng dạy và học tập với CDR của CTĐT

| Phương pháp giảng dạy và học tập                  | PLOs      |      |      |      |         |           |           |      |      |      |
|---------------------------------------------------|-----------|------|------|------|---------|-----------|-----------|------|------|------|
|                                                   | Kiến thức |      |      |      | Kỹ năng |           |           | TCTN |      |      |
|                                                   | PLO1      | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5    | PLO6<br>a | PLO6<br>b | PLO7 | PLO8 | PLO9 |
| Thuyết giảng                                      | x         | x    | x    | x    |         |           |           |      | x    |      |
| Trình bày trực quan                               | x         | x    | x    | x    |         |           |           |      | x    |      |
| Tổ chức học tập theo nhóm                         | x         | x    | x    | x    |         | x         |           | x    | x    | x    |
| Giảng dạy thông qua thảo luận                     | x         | x    | x    | x    |         | x         |           | x    | x    | x    |
| Sử dụng các công trình nghiên cứu trong giảng dạy |           |      |      | x    |         |           | x         | x    | x    | x    |
| Dạy học tích hợp                                  | x         | x    | x    | x    |         | x         |           | x    | x    | x    |
| Đóng vai                                          |           | x    | x    |      | x       | x         |           | x    | x    | x    |
| Dạy học dựa trên tình huống                       | x         | x    | x    | x    | x       | x         | x         | x    | x    | x    |
| Dạy học dựa trên vấn đề                           | x         | x    | x    | x    | x       | x         | x         | x    | x    | x    |
| Dạy học thông qua dự án                           | x         | x    | x    | x    | x       | x         | x         | x    | x    | x    |
| Thực tập tại doanh nghiệp                         |           |      | x    |      | x       | x         | x         | x    | x    | x    |

TCTN: Mức độ tự chủ và trách nhiệm

### 10. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Phương pháp kiểm tra đánh giá và thang điểm đánh giá được thực hiện theo quy định hiện hành tại Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

#### 10.1. Lý thuyết

##### 10.1.1. Đánh giá quá trình

- Chuyên cần: Đi học đầy đủ, tham gia đóng góp tích cực của người học vào các hoạt động học tập.

- Kiểm tra thường xuyên: Thảo luận nhóm, bài tập tự học, bài kiểm tra lý thuyết, thuyết trình.

##### 10.1.2. Đánh giá cuối kỳ:

Thi kết thúc học phần: Sản phẩm nhóm, tiểu luận hoặc thi kết thúc học phần (bài thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc tự luận).



## 10.2. Thực hành

- Kiểm tra: Kiểm tra thực hành hoặc bài tập nhóm.
- Thi kết thúc học phần: Tiểu luận, thi kết thúc học phần (bài thi vấn đáp, trắc nghiệm hoặc tự luận), sản phẩm nhóm.

## 10.3. Ma trận mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và CDR của CTĐT

| Phương pháp đánh giá                                             | Kiến thức |       |       |       | Kỹ năng |        |        | TCTN  |       |       |
|------------------------------------------------------------------|-----------|-------|-------|-------|---------|--------|--------|-------|-------|-------|
|                                                                  | PLO 1     | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5   | PLO 6a | PLO 6b | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 |
| <b>A. CÁC HỌC PHẦN LÝ THUYẾT, THỰC HÀNH</b>                      |           |       |       |       |         |        |        |       |       |       |
| <b>1. Đánh giá quá trình</b>                                     |           |       |       |       |         |        |        |       |       |       |
| Tích cực hoạt động trên lớp                                      | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Thảo luận nhóm                                                   | x         |       | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Bài tập tự học                                                   | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Bài kiểm tra lý thuyết                                           |           | x     | x     |       | x       | x      | x      |       |       | x     |
| Thuyết trình                                                     | x         | x     | x     |       | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Bài tập thực hành                                                |           | x     | x     | x     |         | x      | x      |       |       | x     |
| <b>2. Đánh giá cuối kỳ</b>                                       |           |       |       |       |         |        |        |       |       |       |
| Sản phẩm nhóm                                                    | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Tiểu luận                                                        | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Thi kết thúc học phần                                            | x         | x     | x     | x     | x       |        | x      |       | x     |       |
| <b>B. CÁC HỌC PHẦN KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP, THỰC TẬP TỐT NGHIỆP</b> |           |       |       |       |         |        |        |       |       |       |
| Thực tập nghề nghiệp                                             | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |
| Khóa luận tốt nghiệp                                             | x         | x     | x     | x     | x       | x      | x      | x     | x     | x     |

TCTN: Mức độ tự chủ và trách nhiệm

## 11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 11.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo đại học Ngành Ngôn ngữ Anh được công khai đối với người học trước khi tuyển sinh và khi bắt đầu khóa học; những thay đổi, điều chỉnh liên quan đến chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định hiện hành và công bố trước khi áp dụng, không gây tác động bất lợi cho người học,

Chương trình đào tạo được thiết kế gồm 10 học kỳ tương ứng với 4 năm học, gồm 130 tín chỉ (không tính các học phần điều kiện: Giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất: 11 TC). Trong đó, thời gian học tập chính thức 4 năm, thời gian học tập tối đa là 08 năm.



Người học được đào tạo theo hình thức tập trung, áp dụng theo Thông tư số 08/2021/TT-2021 ngày 28/3/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại và các quy định của Trường.

## 11.2. Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo và kế hoạch đào tạo

### a) Tổ chức đào tạo, thời gian đào tạo

- Trường tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Đào tạo tín chỉ là phương thức đào tạo theo từng lớp học phần, cho phép người học tích lũy tín chỉ từng học phần và thực hiện chương trình đào tạo theo kế hoạch học tập cá nhân, phù hợp với kế hoạch giảng dạy của Trường.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của người học. Theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo giáo dục đại học:

a) 01 tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá;

b) Đối với hoạt động dạy học trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó một giờ trên lớp được tính bằng 50 phút.

### b) Kế hoạch đào tạo

| TT                                       | Mã học phần | Tên học phần                                                           | Học kỳ | Số tín chỉ | Bắt buộc  | Tự chọn   | Số tiết LT | Số tiết TH | Số tiết tự học | Học phần học trước (a), song hành (b) |
|------------------------------------------|-------------|------------------------------------------------------------------------|--------|------------|-----------|-----------|------------|------------|----------------|---------------------------------------|
| <b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b> |             |                                                                        |        | <b>27</b>  | <b>15</b> | <b>12</b> |            |            |                |                                       |
| 1                                        | CB050       | GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam* | 3      | 2          | 2         |           | 37         | 8          | 74             |                                       |
| 2                                        | CB051       | GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh*                             | 3      | 2          | 2         |           | 22         | 8          | 44             |                                       |
| 3                                        | CB052       | GDQP&AN 3: Quân sự chung*                                              | 3      | 2          | 2         |           | 14         | 16         | 28             |                                       |
| 4                                        | CB053       | GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*                  | 3      | 2          | 2         |           | 4          | 56         | 08             |                                       |
| 5                                        | CB035       | Giáo dục thể chất 1*                                                   | 3      | 1          | 1         |           | 15         | 15         | 30             |                                       |
| 6                                        | CB036       | Giáo dục thể chất 2*                                                   | 3      | 1          | 1         |           | 15         | 15         | 30             |                                       |
| 7                                        | CB037       | Giáo dục thể chất 3*                                                   | 3      | 1          | 1         |           | 15         | 15         | 30             |                                       |
| 8                                        | CB040       | Triết học Mác - Lênin                                                  | 1      | 3          | 3         |           | 45         | 0          | 90             |                                       |
| 9                                        | CB041       | Kinh tế chính trị Mác - Lênin                                          | 2      | 2          | 2         |           | 30         | 0          | 60             |                                       |
| 10                                       | CB042       | Chủ nghĩa xã hội khoa học                                              | 4      | 2          | 2         |           | 30         | 0          | 60             |                                       |



|                                   |       |                                           |   |            |           |           |    |    |     |          |
|-----------------------------------|-------|-------------------------------------------|---|------------|-----------|-----------|----|----|-----|----------|
| 11                                | CB043 | Tư tưởng Hồ Chí Minh                      | 5 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  |          |
| 12                                | CB044 | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam            | 6 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  |          |
| 13                                | CB004 | Pháp luật đại cương                       | 1 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  |          |
| 14                                | TT224 | Tin học ứng dụng                          | 4 | 2          | 2         |           | 15 | 30 | 30  |          |
| 15                                | CB049 | Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp           | 6 | 2          |           | 2         | 30 | 0  | 60  |          |
| 16                                | CB005 | Văn bản và lưu trữ đại cương              | 6 | 2          |           |           | 30 | 0  | 60  |          |
| 17                                | NN001 | Pháp văn căn bản 1                        | 4 | 4          |           | 4         | 60 | 0  | 120 |          |
|                                   | NN052 | Tiếng Nhật căn bản 1                      |   |            |           |           |    |    |     |          |
| 18                                | NN002 | Pháp văn căn bản 2                        | 5 | 3          |           | 3         | 45 | 0  | 90  | NN001(a) |
|                                   | NN053 | Nhật ngữ căn bản 2                        |   |            |           |           |    |    |     | NN052(a) |
| 19                                | NN003 | Pháp văn căn bản 3                        | 6 | 3          |           | 3         | 45 | 0  | 90  | NN002(a) |
|                                   | NN054 | Nhật ngữ căn bản 3                        |   |            |           |           |    |    |     | NN053(a) |
| <b>Khối kiến thức ngành</b>       |       |                                           |   | <b>103</b> | <b>81</b> | <b>22</b> |    |    |     |          |
| <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b> |       |                                           |   | <b>41</b>  | <b>41</b> | <b>00</b> |    |    |     |          |
| 20                                | NN004 | Độc 1                                     | 1 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  |          |
| 21                                | NN005 | Độc 2                                     | 2 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN004(a) |
| 22                                | NN006 | Độc 3                                     | 5 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN005(a) |
| 23                                | NN008 | Nghe - Nói 1                              | 2 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  |          |
| 24                                | NN009 | Nghe - Nói 2                              | 4 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN008(a) |
| 25                                | NN010 | Nghe - Nói 3                              | 5 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN009(a) |
| 26                                | NN012 | Viết 1                                    | 4 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  |          |
| 27                                | NN013 | Viết 2                                    | 5 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN012(a) |
| 28                                | NN014 | Viết 3                                    | 6 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN013(a) |
| 29                                | NN016 | Ngữ âm thực hành 1                        | 1 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  |          |
| 30                                | NN017 | Ngữ âm thực hành 2                        | 2 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  | NN016(a) |
| 31                                | NN019 | Ngữ pháp 1                                | 1 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  |          |
| 32                                | NN020 | Ngữ pháp 2                                | 2 | 3          | 3         |           | 45 | 0  | 90  | NN019(a) |
| 33                                | NN021 | Ngữ pháp 3                                | 4 | 2          | 2         |           | 30 | 0  | 60  | NN020(a) |
| 34                                | TT223 | Công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo | 8 | 2          | 2         |           |    |    |     |          |
| <b>Khối kiến thức ngành chính</b> |       |                                           |   | <b>62</b>  | <b>40</b> | <b>22</b> |    |    |     |          |



|    |       |                                                             |    |   |   |    |    |    |    |                      |
|----|-------|-------------------------------------------------------------|----|---|---|----|----|----|----|----------------------|
| 35 | NN059 | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (tiếng Anh) | 7  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 |                      |
| 36 | NN060 | Pháp luật về hội nhập quốc tế                               | 9  | 2 | 2 |    | 30 | 0  | 60 |                      |
| 37 | NN023 | Dẫn luận ngôn ngữ                                           | 6  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 |                      |
| 38 | NN024 | Lý thuyết dịch                                              | 6  | 2 | 2 |    | 30 | 0  | 60 |                      |
| 39 | NN025 | Ngữ nghĩa và Ngữ dụng học                                   | 8  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN023(a)             |
| 40 | NN026 | Biên dịch thực hành                                         | 7  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN024(a)             |
| 41 | NN062 | Văn hóa Anh – Mỹ                                            | 7  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 |                      |
| 42 | NN028 | Ngữ âm - Âm vị học                                          | 7  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN023(a)             |
| 43 | NN061 | Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng                | 9  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN010(a)             |
| 44 | NN030 | Phiên dịch thực hành                                        | 8  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN024(a)             |
| 45 | NN034 | Từ pháp và Cú pháp học                                      | 9  | 3 | 3 |    | 45 | 0  | 90 | NN021(a)<br>NN023(a) |
| 46 | NN063 | Thực tập thực tế ngành nghề - Ngôn ngữ Anh                  | 8  | 2 | 2 |    | 00 | 90 | 00 |                      |
| 47 | NN043 | Dẫn luận văn chương                                         | 8  | 2 | 2 |    | 30 | 0  | 60 | NN006(a)             |
| 48 | NN033 | Văn học Anh - Mỹ                                            | 9  | 2 | 2 |    | 30 | 0  | 60 | NN043(a)             |
| 49 | NN031 | Viết học thuật                                              | 8  | 3 | 3 |    | 30 | 0  | 60 | NN014(a)             |
| 50 | NN038 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1                           | 9  | 2 |   | 04 | 30 | 0  | 60 |                      |
| 51 | NN037 | Tiếng Anh Thương mại                                        | 9  | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 |                      |
| 52 | NN064 | Biên dịch báo chí                                           | 9  | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 | NN024(a)             |
| 53 | NN039 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2                           | 10 | 2 |   | 04 | 30 | 0  | 60 | NN038(a)             |
| 54 | NN065 | Biên dịch văn học và điện ảnh                               | 10 | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 | NN024(a)             |
| 55 | NN057 | Tiếng Anh du lịch                                           | 10 | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 |                      |
| 56 | NN066 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh     | 10 | 2 |   | 04 | 30 | 0  | 60 |                      |
| 57 | NN067 | Phiên dịch thương mại                                       | 10 | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 | NN024(a)             |
| 58 | NN058 | Tiếng Anh nhà hàng khách sạn                                | 10 | 2 |   |    | 30 | 0  | 60 |                      |



| <i>Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp và các học phần thay thế</i>                                                                 |       |                                                      |    |    |  |    |    |     |    |                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|------------------------------------------------------|----|----|--|----|----|-----|----|----------------------|
| 1                                                                                                                                         | NN055 | Thực tập tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh                   | 11 | 10 |  | 10 |    | 450 | 00 |                      |
| 2                                                                                                                                         | NN045 | Khóa luận tốt nghiệp                                 | 11 | 10 |  |    |    | 450 | 00 |                      |
| <i>Các học phần thay thế</i>                                                                                                              |       |                                                      |    | 10 |  |    |    |     |    |                      |
| 3                                                                                                                                         | NN047 | Văn hóa các nước nói tiếng Anh                       | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 |                      |
| 4                                                                                                                                         | NN036 | Ngôn ngữ học đối chiếu                               | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 | NN025(a)<br>NN034(a) |
| 5                                                                                                                                         | NN050 | Giao tiếp liên văn hóa                               | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 |                      |
| 6                                                                                                                                         | NN056 | Tiếng Anh văn phòng                                  | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 |                      |
| 7                                                                                                                                         | QL083 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics                     | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 |                      |
| 8                                                                                                                                         | NN068 | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp - Ngôn ngữ Anh | 11 | 2  |  |    | 30 | 0   | 60 |                      |
| <b>Tổng cộng:</b> 130 tín chỉ (trong đó gồm 96 tín chỉ bắt buộc và 34 tín chỉ tự chọn,<br>(* không bao gồm các học phần GDTC và GDQP-AN)) |       |                                                      |    |    |  |    |    |     |    |                      |

### 11.3. Tổ chức thi kết thúc học phần

Công tác tổ chức thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

### 11.4. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

#### a) Điều kiện tốt nghiệp

**Điều kiện về tích lũy và điểm các học phần:** Thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

**Chuẩn đầu ra ngoại ngữ và kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin:** Thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ.

#### b) Cấp bằng đại học, cấp bằng điểm

- Cấp bằng, phụ lục văn bằng đại học: khi người học đáp ứng đầy đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước.

- Cấp bằng điểm: khi người học đáp ứng đủ các quy định theo quy chế hiện hành của Trường và nhà nước, hoặc khi người học có yêu cầu.

## B. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO



| TT                                  | Mã HP | Tên học phần                                                                | Nội dung cần đạt được của học phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Khối lượng kiến thức    |
|-------------------------------------|-------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>Kiến thức giáo dục đại cương</b> |       |                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                         |
| 1                                   | CB050 | GDQP - AN 1:<br>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam* | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần giúp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất chiến tranh; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2TC<br>(22 LT<br>08 TH) |
| 2                                   | CB051 | GDQP - AN 2:<br>Công tác quốc phòng và an ninh*                             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần giúp người học nhận thức được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, trên cơ sở đó đấu tranh, phòng chống chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam để giữ gìn an ninh chính trị và bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có kiến thức về chiến tranh công nghệ cao; kiến thức về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên, phong trào toàn dân đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ biên giới, biển đảo Việt Nam.</li> </ul> | 2TC<br>(22 LT<br>08 TH) |



|   |       |                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                         |
|---|-------|---------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 3 | CB052 | GDQP - AN 3:<br>Quân sự chung*                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần trang bị cho người học kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc; giúp SV hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách phòng, tránh vũ khí hủy diệt lớn và thành thạo kỹ thuật băng bó, chuyển thương.</li> </ul> | 2TC<br>(14 LT<br>16 TH) |
| 4 | CB053 | GDQP - AN<br>4: Kỹ thuật<br>chiến đấu bộ<br>binh và chiến<br>thuật* | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự với quốc gia.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                       | 2TC<br>(4 LT<br>56TH)   |
| 5 | CB035 | GDTC 1: Cờ<br>vua 1*                                                | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần này trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành môn Cờ Vua, luật chơi môn Cờ Vua, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |



|   |       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                         |
|---|-------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 6 | CB035 | GDTC 1:<br>Taekwondo<br>1*    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần này trang bị cho người học kiến thức về lịch sử phát triển môn Taekwondo, ý nghĩa tác dụng môn Taekwondo và thực hiện được các kỹ thuật tấn (Seogi), các kỹ thuật đỡ (Makki), kỹ thuật đâm (Jireugi), kỹ thuật đá (Chagi) và 3 bài quyền 1,2,3, thông qua đó để rèn luyện thân thể, rèn luyện thể lực toàn diện theo chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (QĐ 53/BGDĐT -2008).</li> </ul> | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 7 | CB035 | GDTC 1:<br>Bóng chuyền 1<br>* | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần này trang bị cho người học các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Luật bóng chuyền, các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng căn bản.</li> </ul>                                                                                                                     | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 8 | CB036 | GDTC 2:<br>Cờ vua 2*          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>Học phần này giúp người học nâng cao các kỹ năng trong môn Cờ Vua và luật chơi Cờ Vua như: Các bài tập giải Cờ thế chiếu hết sau 1 nước và chiếu hết sau hai nước, đồng thời thông qua môn học Cờ Vua rèn luyện cho trí óc con người thêm phát triển, thêm linh hoạt và dẻo dai hơn.</li> </ul>                                                                                                | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |



|    |       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                         |
|----|-------|-------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 9  | CB036 | GDTC 2:<br>Taekwondo 2*       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần này trang bị cho người học những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường.</p>                                                                                       | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 10 | CB036 | GDTC 2:<br>Bóng chuyền 2<br>* | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần này trang bị cho người học các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền như: Tiếp tục nghiên cứu về Luật bóng chuyền, ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt, kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt căn bản, một số kỹ thuật phát bóng, chuyền bóng, di chuyển nâng cao.</p> | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 11 | CB037 | GDTC 3:<br>Cờ vua 3*          | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần này giới thiệu và trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về lý luận và thực hành để khi ra trường sinh viên làm công tác phong trào, tổ chức huấn luyện, giảng dạy cho người mới tập chơi cờ.</p>                                                                                                                                                                               | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |



|    |       |                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                         |
|----|-------|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 12 | CB037 | GDTC 3:<br>Taekwondo 3*       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ thuật cơ bản của môn võ Taekwondo vận dụng tập luyện nâng cao các tố chất thể lực, tăng cường sức khỏe, thông qua rèn luyện sinh viên sẽ được hình thành nên những phẩm chất tốt đẹp, lòng dũng cảm, sự nhân ái và cao thượng trong cuộc sống đời thường</p>                                                                                                                                                                                                        | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 13 | CB037 | GDTC 3:<br>Bóng chuyền 3<br>* | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần này trang bị cho người học các kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền khác như bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi: Ôn các tư thế đánh bóng, các kỹ thuật di chuyển tiến - lùi, trượt ngang sang phải - trái, kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản trước mặt nâng cao. Tiếp tục luyện tập kỹ thuật đệm bóng, kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt, kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt, kỹ thuật đập bóng nâng cao, kỹ thuật phối hợp đồng đội trong thi đấu bóng chuyền bãi biển và bóng chuyền hơi.</p> | 1TC<br>(15LT +<br>30TH) |
| 14 | CB040 | Triết học Mác<br>- Lênin      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</li> </ul> <p>Học phần Triết học Mác - Lênin trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về triết học, triết học Mác – Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng; những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử.</p>                                                                                                                                                                                           | 3TC<br>(45 LT)          |



|    |       |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                 |
|----|-------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 15 | CB041 | Kinh tế Chính trị Mác- Lênin | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> CB040</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho người học kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin và các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế của Việt Nam.</li> </ul> | 2 TC<br>(30 LT) |
| 16 | CB042 | Chủ nghĩa xã hội khoa học    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> CB041</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần giúp người học nắm vững những lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta trong thời kỳ quá độ hiện nay. Học phần còn hình thành và rèn luyện khả năng phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.</li> </ul>                                                                                                                                                  | 2TC<br>(30LT)   |



|    |       |                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |
|----|-------|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 17 | CB043 | Tư tưởng<br>Hồ Chí Minh              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> CB042</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh, những hiểu biết cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức và xây dựng con người mới.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                             | 2TC<br>(30LT) |
| 18 | CB044 | Lịch sử Đảng<br>Cộng sản<br>Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> CB043</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920 – 1930). Đồng thời cung cấp các kiến thức về sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay). Qua đó khẳng định thành công, nêu lên hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.</li> </ul> | 2TC<br>(30LT) |



|    |       |                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |               |
|----|-------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 19 | CB004 | Pháp luật đại cương             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần giúp người học nắm được những vấn đề cơ bản nhất về nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở đó đi vào giới thiệu một số qui định về các ngành luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật dân sự, Luật Hôn nhân và gia đình, ...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                              | 2TC<br>(30LT) |
| 20 | CB005 | Văn bản và lưu trữ đại cương    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho người học kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản và văn bản hành chính; trình bày thể thức văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản; khái niệm lưu trữ, ý nghĩa và tác dụng của tài liệu lưu trữ; có kỹ năng soạn thảo văn bản và kỹ năng quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, giúp sinh viên biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; Biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở cơ quan sau này.</li> </ul>                        | 2TC<br>(30LT) |
| 21 | CB049 | Đổi mới Sáng tạo và Khởi nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức, tư duy, kỹ năng và công cụ cần thiết để hình thành, phát triển và trình bày thuyết phục ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, cũng như xây dựng được mô hình kinh doanh tiềm năng thông qua việc áp dụng cách tiếp cận khởi nghiệp tinh gọn và tư duy thiết kế (design thinking). Xuyên suốt lộ trình học phần, các nhóm sinh viên sẽ được hướng dẫn để hình thành ý tưởng và từ đó xây dựng mô hình kinh doanh cho ý tưởng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.</li> </ul> | 2TC<br>(30LT) |



|    |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                      |
|----|-------|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 22 | TT224 | Tin học ứng dụng   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về phương pháp sử dụng hệ điều hành window và các công cụ hỗ trợ việc sử dụng máy tính cơ bản, học phần cũng cung cấp cho người học kỹ năng sử dụng thành thạo 2 công cụ soạn thảo văn là Latex và MS Word, giới thiệu cho người học một số công cụ AI hỗ trợ cho việc học và tự nghiên cứu của Google như Gemini, Notebooklm, AI Studio.</li> </ul>                                                                                                                                                                            | 2TC<br>(15LT + 30TH) |
| 23 | NN001 | Pháp văn căn bản 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này hướng đến mục tiêu giúp người học giao tiếp bằng tiếng Pháp các chủ đề trong đời sống hằng ngày như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học; sinh viên làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bản mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản...</li> </ul> | 4 TC<br>(60LT)       |



|    |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |
|----|-------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
|    | NN052 | Nhật ngữ căn bản 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>           Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp người học có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: chào hỏi, hỏi thăm sức khỏe, cảm ơn, tạm biệt; nói tên, tuổi, quốc tịch, một số hoạt động cơ bản hằng ngày của bản thân, sở thích; nói về những đặc trưng cơ bản đồ vật; nói hoặc hỏi thời gian; nói về trạng thái thời tiết....</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                      | 4 TC<br>(60LT) |
| 24 | NN002 | Pháp văn căn bản 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN001</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/>           Học phần này tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng... của tiếng Pháp hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.</li> </ul> | 3TC<br>(45LT)  |



|    |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |               |
|----|-------|--------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|    | NN053 | Nhật ngữ căn bản 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN052</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp người học có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: có thể nói, hiểu và viết về các việc cùng làm với người khác; về tần suất, thời gian thực hiện hành động; về hành động đang diễn ra; về những việc đã làm hoặc chưa làm; về những sự việc có tính chất trái ngược nhau; diễn đạt sự so sánh...</li> </ul>                                                                                                                                                                                                           | 3TC<br>(45LT) |
| 25 | NN003 | Pháp văn căn bản 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN002</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này hướng đến mục tiêu giúp người học có thể giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ... Sinh viên được làm quen với các bài khoá từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ.</li> </ul> | 3TC<br>(45LT) |



|                                   |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |
|-----------------------------------|-------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
|                                   | NN054 | Nhật ngữ căn bản 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN053</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này nhằm hướng đến mục tiêu giúp sinh viên có thể giao tiếp đơn giản bằng tiếng Nhật các chủ đề thường gặp trong cuộc sống như: nói về tình trạng sức khỏe; cho lời khuyên; so sánh các thông tin; nói về mục tiêu trong tương lai; nói về lí do; đưa ra lời đề nghị hay xin phép thực hiện việc gì đó; diễn tả lòng biết ơn; viết thư và các loại thiệp chúc mừng đơn giản...</li> </ul> | 3TC<br>(45LT) |
| <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b> |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |               |
| 26                                | NN004 | Đọc 1              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần giúp người học phát triển tư duy logic và phản biện thông qua hoạt động đọc; được hướng dẫn các kỹ năng đọc thông qua các chủ đề khác nhau có nội dung đa dạng thực tế về cuộc sống; được cung cấp vốn từ phong phú theo từng chủ điểm bài đọc với mục tiêu luyện tập kỹ năng đọc tốt bằng tiếng Anh.</li> </ul>                                                                              | 3TC<br>(45LT) |
| 27                                | NN005 | Đọc 2              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN004</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này tiếp tục giúp người học phát triển tư duy logic sáng tạo kết hợp phản biện cùng với các kỹ năng đọc thông qua các chủ đề khác nhau có nội dung phong phú thiết thực với đời sống; mở rộng vốn từ theo các chủ đề cụ thể với mục tiêu cải thiện kỹ năng đọc ngày càng tốt hơn.</li> </ul>                                                                                                  | 3TC<br>(45LT) |



|    |       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                |
|----|-------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 28 | NN006 | Đọc 3      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN005</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này tiếp tục giúp người học phát triển tư duy logic, sáng tạo kết hợp phân biện cùng với các kỹ năng đọc thông qua các chủ đề khác nhau có nội dung phong phú thiết thực với đời sống. Gia tăng vốn từ theo các chủ đề cụ thể với mục tiêu nâng cấp kỹ năng đọc nhanh hơn.</li> </ul>                                                                                                                                                                                      | 3TC<br>(45LT)  |
| 29 | NN008 | Nghe-Nói 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này giới thiệu cho sinh viên những kiến thức căn bản về phương pháp nghe hiểu như nghe hiểu ý chính, ý chi tiết, những chiến thuật nghe như đoán, hiểu nội dung qua ngữ cảnh, qua ngữ điệu, từ liên kết, cách nhấn âm, nhấn giọng; cung cấp kiến thức thực tiễn về việc sử dụng các chiến thuật nói, thuyết trình như xem xét chủ đề, hình ảnh, âm thanh, ngữ điệu, nhấn âm, điệu bộ, ngôn ngữ cơ thể, giao tiếp bằng mắt, và sự thân thiện, thoải mái, tự tin.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |
| 30 | NN009 | Nghe-Nói 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN008</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho sinh viên các phương pháp nghe hiểu, xác định ý chính, ý chi tiết, mục đích người nói; sử dụng những gợi ý từ ngữ cảnh để hiểu nội dung trong các bài hội thoại, phỏng vấn, thuyết trình; về việc sử dụng các chiến thuật nói, thuyết trình như cách gây sự chú ý, cách diễn đạt điều không hiểu, cách kết luận vấn đề, cách làm rõ vấn đề, cách diễn đạt đồng tình và không đồng tình, và cách nói chuyện trong một nhóm.</li> </ul>                     | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |
|----|-------|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 31 | NN010 | Nghe - Nói 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN009</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này giúp sinh viên nắm vững kiến thức nền và vốn từ vựng về các chủ đề văn hóa, xã hội, và khoa học kỹ thuật; kiến thức về các chiến thuật nghe và kỹ thuật ghi chú về các bài giảng, bài nói chuyện, cuộc hội thoại; kiến thức về các chiến lược giao tiếp và các chức năng ngôn ngữ; hiểu được các bài nghe ở trình độ trung cấp; vận dụng tốt các chiến thuật nghe; trình bày, thảo luận, tranh luận theo chủ đề ở trình độ trung cấp; vận dụng tốt các chiến thuật giao tiếp, sử dụng được các từ vựng liên quan để giao tiếp hiệu quả.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |
| 32 | NN012 | Viết 1       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về một số cấu trúc, chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như: thì hiện tại đơn, thì quá khứ đơn, thì hiện tại tiếp diễn, danh động từ, động từ nguyên mẫu, trợ động từ và trạng từ chỉ tính thường xuyên. Bên cạnh đó, sinh viên được cung cấp các kiến thức cần thiết về cấu trúc của những loại bài viết khác nhau trong tiếng Anh như văn mô tả, giải thích lý do, trình bày mục đích và trình bày quan điểm cá nhân.</li> </ul>                                                                                        | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                |
|----|-------|--------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 33 | NN013 | Viết 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN012</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này cung cấp kiến thức về một số cấu trúc, chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như: cấu trúc diễn đạt nhu cầu, trình bày vấn đề và giải pháp, nêu lý do, diễn đạt cảm xúc, liên từ, cụm từ mô tả thời gian, so sánh. Sinh viên được giới thiệu một số kỹ năng vi mô dùng trong kỹ năng viết như: sắp xếp ý, viết đoạn văn và câu chủ đề, viết câu bổ sung ý chính, sử dụng từ đồng nghĩa, dùng đại từ để tránh sự lặp lại từ, nêu ví dụ bổ sung, viết một đoạn văn kể chuyện, so sánh hoặc nêu quan điểm.</li> </ul> | 3 TC<br>(45TH) |
| 34 | NN014 | Viết 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN013</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về một số cấu trúc, chủ điểm ngữ pháp tiếng Anh như: thì hiện tại, quá khứ, danh động từ, tính từ so sánh, câu điều kiện, các cấu trúc mô tả biểu bảng, diễn đạt sự nhượng bộ, mô tả quy trình. Bên cạnh đó, sinh viên được giới thiệu một số kỹ năng vi mô trong kỹ năng viết như: viết câu chủ đề, diễn đạt ý chính và ý bổ sung, viết câu kết luận, giải thích một biểu, bảng, lập dàn bài, viết đoạn văn tranh luận, quy trình, so sánh và tóm tắt.</li> </ul>      | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |
|----|-------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 35 | NN016 | Ngữ âm thực hành 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản và rèn luyện cách phát âm đúng trong tiếng Anh. Học phần gồm 4 phần: (1) hướng dẫn cách phát âm các âm đoạn tính gồm nguyên âm, phụ âm và cụm phụ âm, (2) rèn luyện cách thể hiện các âm tiết nhấn và không nhấn trong từ và trong câu. (3) rèn luyện cách ngắt nhịp, nối âm, nhấn giọng và phát âm một số dạng rút gọn. (4) chú trọng ngữ điệu trong đàm thoại giao tiếp.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |
| 36 | NN017 | Ngữ âm thực hành 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN016</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và rèn luyện cho sinh viên phát âm chính xác hơn các âm trong tiếng Anh và tăng cường khả năng phát âm lưu loát trong đàm thoại. Học phần này gồm ba phần: Phần một hướng dẫn phân biệt và phát âm các cặp nguyên âm và các cặp phụ âm. Phần hai tập trung hướng dẫn nhấn giọng trong từ, trong câu và cách nối âm. Phần cuối chú trọng rèn luyện ngữ điệu trong đàm thoại.</li> </ul>        | 2 TC<br>(30LT) |
| 37 | NN019 | Ngữ pháp 1         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này giúp sinh viên phân tích và vận dụng được các loại từ loại, năm mẫu câu cơ bản trong tiếng Anh và bốn loại câu phân loại theo chức năng.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3 TC<br>(45LT) |



|                               |       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |
|-------------------------------|-------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 38                            | NN020 | Ngữ pháp 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN019</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần được thiết kế nhằm giúp cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức về cách sử dụng động từ như động từ nguyên mẫu, danh động từ, hiện tại phân từ và quá khứ phân từ, thể bị động, động từ khiếm khuyết, thì của động từ; có thể xác định các dạng thức phrasal verbs, chú trọng thực hành để sử dụng phrasal verbs một cách thuần thục.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |
| 39                            | NN021 | Ngữ pháp 3 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN020</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần được thiết kế giúp cho sinh viên hệ thống hóa kiến thức về các loại mệnh đề chính và phụ (danh từ, tính từ và trạng từ) và bốn loại câu gồm câu đơn, câu kép, câu phức và câu phức kép; cách biến đổi câu tạo nên tảng tốt cho kỹ năng viết cũng như phục vụ mục đích giao tiếp.</li> </ul>                                                   | 2 TC<br>(30LT) |
| <b>Kiến thức chuyên ngành</b> |       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |
| <b>A. Kiến thức bắt buộc</b>  |       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                |



|    |       |                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |
|----|-------|-------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 40 | NN059 | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (tiếng Anh) | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quát về NCKH và viết báo cáo NCKH trong lĩnh vực giáo dục, ngôn ngữ và xã hội, từ đó có thể tự xác định đề tài, lập ra kế hoạch nghiên cứu chi tiết và viết báo cáo kế hoạch nghiên cứu đã được hoạch định; cung cấp kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm về NCKH, hỗ trợ cho việc làm tốt Khóa luận/báo cáo thực tập tốt nghiệp. Sau khi học xong, sinh viên có thể viết được một đề cương NCKH chi tiết cũng như có năng lực tự nâng cao trình độ NCKH sau này.</li> </ul>                                                                                                    | 3 TC<br>(45LT) |
| 41 | NN060 | Pháp luật về hội nhập quốc tế                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Pháp luật về hội nhập quốc tế là học phần chuyên ngành, nghiên cứu tổng quan về chính sách và pháp luật kinh tế đối ngoại của Việt Nam qua các giai đoạn, giúp cho người học có cái nhìn khái quát về môi trường kinh doanh ở Việt Nam, nhất là trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Học phần bao gồm nội dung như sau: Tổng quan về môi trường kinh doanh ở Việt Nam; Chính sách kinh tế đối ngoại của Việt Nam; Pháp luật điều chỉnh thương mại hàng hoá quốc tế của Việt Nam; Pháp luật điều chỉnh thương mại dịch vụ quốc tế của Việt Nam; Pháp luật điều chỉnh quan hệ kinh tế đối ngoại khác của Việt Nam.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                |
|----|-------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 42 | NN023 | Dẫn luận ngôn ngữ         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này giới thiệu các khái niệm chung về ngôn ngữ, bản chất ngôn ngữ, và các ngành chính yếu trong ngôn ngữ: ngữ âm học, âm vị học, từ pháp học, cú pháp học, ngữ nghĩa học và ngữ dụng học; cung cấp kiến thức về sự thụ đắc ngôn ngữ; trình bày mối liên hệ giữa ngôn ngữ và các yếu tố liên quan như não bộ con người, xã hội; trình bày về sự thay đổi của các lĩnh vực ngôn ngữ.</li> </ul>                                                                                                                              | 3 TC<br>(45LT) |
| 43 | NN024 | Lý thuyết dịch            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức khái quát về lịch sử dịch thuật, nghề biên phiên dịch, kiến thức nền tảng về biên phiên dịch, các khái niệm phân biệt hai quá trình này, các phương pháp dịch thuật, cách thức phân tích tài liệu dịch, cách thức phân tích đơn vị câu, và các bài tập thực hành. Học xong sinh viên có thể vận dụng lý thuyết dịch vào việc thực hành biên/phiên dịch.</li> </ul>                                                                                                                        | 2 TC<br>(30LT) |
| 44 | NN025 | Ngữ nghĩa và Ngữ dụng học | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN023</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần là một trong những học phần cơ bản bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ âm - Âm vị học, Từ pháp - Cú pháp học và Ngữ nghĩa và ngữ dụng học. Học phần giúp sinh viên nắm vững và phân biệt hai mặt ngôn ngữ của tiếng Anh, ngữ nghĩa học và ngữ dụng học. Đồng thời, học phần này cũng giúp sinh viên phân biệt được nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn, các quan hệ nghĩa của từ, câu, hành động ngôn từ...; vận dụng kiến thức ngôn ngữ để sử dụng phù hợp và hiệu quả.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |
|----|-------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 45 | NN026 | Biên dịch thực hành | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN024</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này giúp cho người ôn lại các kiến thức cơ bản về các loại hình biên dịch, kỹ thuật biên dịch và những sai lầm cần tránh khi dịch. Sinh viên được áp dụng lý thuyết vào các bài tập thực hành biên dịch văn bản từ tiếng Anh sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng Anh theo mức độ nâng cao: luyện tập dịch các văn bản theo chủ đề: kinh tế, chính trị, văn hóa, kỹ thuật (Công nghệ thông tin, Cơ khí, Điện - Điện tử).</li> </ul>                                                                                                                                                              | 3 TC<br>(45LT) |
| 46 | NN062 | Văn hóa Anh - Mỹ    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử và quá trình hình thành Vương quốc Anh và Mỹ; nắm vững những phạm trù và đặc điểm văn hóa Anh, Mỹ như: chính trị, đặc thù văn hóa, đời sống, giáo dục, tôn giáo và an sinh xã hội nhằm giúp sinh viên sử dụng các kiến thức đã học phục vụ cho công việc sau khi ra trường, ứng dụng các hiểu biết về văn hóa để giao tiếp trong môi trường cụ thể; có cái nhìn cởi mở, khoan dung và thông cảm đối với sự khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa Anh, Mỹ; có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cơ thể, cách ứng xử cho phù hợp khi giao tiếp.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |
|----|-------|----------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 47 | NN028 | Ngữ âm - Âm vị học                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN023</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần Ngữ âm - Âm vị học trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu và hệ thống về các khái niệm, quy luật của ngữ âm học và âm vị học tiếng Anh, bao gồm cách phát âm các nguyên âm, phụ âm, trọng âm, ngữ điệu, hiện tượng nối âm, đồng hóa, rút âm trong lời nói tự nhiên. Học phần cũng trang bị kỹ năng nhận diện, phân tích và vận dụng các kiến thức ngữ âm trong thực hành ngôn ngữ tiếng Anh. Thông qua việc kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, học phần giúp người học nâng cao khả năng phát âm chuẩn, giao tiếp hiệu quả và hiểu sâu hơn về hệ thống âm vị tiếng Anh trong ngữ cảnh thực tế, cung cấp công cụ để sinh viên tiếp cận và giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến giảng dạy, nghiên cứu và ứng dụng tiếng Anh trong các lĩnh vực chuyên môn và học thuật.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |
| 48 | NN061 | Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN010</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần giúp người học (1) lĩnh hội các lý thuyết nền về kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng, những kỹ năng căn bản và các bước cần thiết để thiết kế và trình bày một bài nói trước công chúng một cách có hiệu quả; (2) sử dụng các trang thiết bị, các phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ một cách phù hợp cho bài thuyết trình; (3) khắc phục những nỗi sợ hãi và rèn luyện sự tự tin, linh hoạt trong việc trình bày bài thuyết trình và đưa ra những giải pháp xử lý khả thi trước những tình huống và câu hỏi đặt ra của khán giả; (4) nâng cao khả năng nói chuyện lưu loát trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau khi xuất hiện trước công chúng; và (5) nâng cao ý thức và trách nhiệm trong hoạt động nhóm để thuyết trình một chủ đề chung.</li> </ul>                  | 3 TC<br>(45LT) |



|    |       |                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                |
|----|-------|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 49 | NN030 | Phiên dịch thực hành   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN024</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức về các loại hình phiên dịch, tiến trình phiên dịch, một số kỹ thuật phiên dịch cơ bản như nghe hiểu, ghi chép, tóm tắt văn bản, ghi tốc ký, ghi nhớ, các tiêu chuẩn đạo đức đối với người phiên dịch. Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành một số kỹ thuật phiên dịch cơ bản như nghe hiểu, ghi chép, tóm tắt văn bản, ghi tốc ký, kỹ năng ghi nhớ, thuyết trình trước công chúng, giải quyết các tình huống nghề nghiệp bất ngờ có thể xảy ra và kỹ năng sử dụng vốn tiếng Anh lẫn tiếng Việt thông qua thực hành phiên dịch Anh-Việt, Việt-Anh.</li> </ul>                                                      | 3 TC<br>(45LT) |
| 50 | NN034 | Từ pháp và Cú pháp học | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN021</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần Từ pháp và Cú pháp học là học phần chuyên ngành, bắt buộc nằm trong khối kiến thức ngôn ngữ chuyên ngành tiếng Anh gồm Ngữ âm - Âm vị học, Từ pháp - Cú pháp học và Ngữ nghĩa và ngữ dụng học. Học phần Từ pháp học cung cấp những kiến thức cơ bản về từ, phân tích cấu tạo từ, và cách tạo từ mới trong Tiếng Anh. Học phần Cú pháp học cung cấp kiến thức về các chức năng văn phạm trong Tiếng Anh: các loại từ loại, cách phân lớp các loại từ loại; các thành tố cấu tạo nên các loại cụm từ, mệnh đề, câu; mối quan hệ giữa các từ trong một cụm từ, giữa các cụm từ trong một mệnh đề và giữa các mệnh đề trong một câu trong Tiếng Anh.</li> </ul> | 4 TC<br>(60LT) |



|    |       |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |
|----|-------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 51 | NN063 | Thực tập thực<br>tế ngành nghề<br>- Ngôn ngữ<br>Anh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần Thực tế ngoài trường là học phần nằm trong khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội trải nghiệm thực tế ngoài trường ở một trong các địa điểm ở Việt Nam như Bảo Lộc, Đà Lạt, ... Chuyến đi thực tế giúp sinh viên kiểm chứng những điều đã học trên giảng đường, học hỏi và rèn luyện thêm về các kỹ năng giao tiếp cũng như củng cố lại kiến thức chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Bên cạnh đó, sinh viên có ý thức hơn về tác phong và thái độ trong môi trường sống và làm việc thực tế để tự định hướng nghề nghiệp của bản thân trước khi ra trường.</li> </ul>                                                         | 2 TC<br>(90TH) |
| 52 | NN043 | Dẫn luận văn<br>chương                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và nền tảng về văn học, đặc biệt là truyện ngắn và thơ. Học phần giúp người học hiểu được các khái niệm cốt lõi trong văn chương như thể loại, cốt truyện, nhân vật, bối cảnh, chủ đề, phong cách, ngôn ngữ nghệ thuật và quan điểm người kể chuyện. Qua từng đơn vị bài học, sinh viên được hướng dẫn cách đọc, phân tích và đánh giá tác phẩm văn học một cách hiệu quả và có tư duy phản biện. Giáo trình còn kết hợp với các tác phẩm chọn lọc từ văn học phương Tây và Việt Nam, kèm theo câu hỏi thảo luận, nhằm phát triển kỹ năng đọc hiểu, phân tích văn học và trình bày quan điểm cá nhân.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |
|----|-------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 53 | NN033 | Văn học Anh<br>- Mỹ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN043</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b></li> </ul> <p>Học phần này cung cấp cái nhìn tổng quan toàn diện về văn học Anh và Mỹ, tập trung vào các giai đoạn văn học chính, thể loại, chủ đề tiêu biểu và các tác giả kinh điển từ thời Trung Cổ đến hiện đại. Sinh viên sẽ tìm hiểu các tác phẩm văn học trong bối cảnh lịch sử, văn hóa và triết học, qua đó phát triển kỹ năng đọc hiểu, tư duy phân tích và khả năng diễn giải văn bản. Thông qua việc tiếp cận các thể loại như thơ ca, kịch, truyện hư cấu và phi hư cấu, người học sẽ khám phá những vấn đề liên quan đến bản sắc, quyền lực, đạo đức và biểu đạt nghệ thuật. Môn học cũng giới thiệu các thuật ngữ và biện pháp tu từ cơ bản trong văn học, giúp sinh viên nâng cao khả năng phân tích ngôn ngữ và cấu trúc văn bản. Từ đó, học phần góp phần hình thành tư duy phản biện, nâng cao hiểu biết văn hóa và nuôi dưỡng cảm thụ thẩm mỹ của người học đối với văn chương như một hình thức nghệ thuật và nhận thức.</p> | 2 TC<br>(30LT) |
|----|-------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|

4W  
 IG  
 JC  
 AT  
 GH  
 IO  
 DY



|    |       |                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |
|----|-------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 54 | NN031 | Viết học thuật | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN014</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng nền tảng trong việc lập kế hoạch, triển khai và hoàn thiện một bài nghiên cứu học thuật bằng tiếng Anh. Nội dung học phần được thiết kế theo cấu trúc chuẩn của một bài nghiên cứu khoa học, bao gồm các phần: tiêu đề, tóm tắt (abstract), mở đầu (introduction), tổng quan tài liệu (literature review), phương pháp nghiên cứu (methodology), kết quả (results), thảo luận (discussion), kết luận và tài liệu tham khảo. Sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng ngôn ngữ học thuật chính xác, logic lập luận chặt chẽ và kỹ năng trình bày dữ liệu. Bên cạnh đó, học phần chú trọng rèn luyện kỹ năng viết thông qua hoạt động hiệu chỉnh bài viết và phản hồi có định hướng. Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng hoàn chỉnh một bài nghiên cứu học thuật cơ bản, đáp ứng yêu cầu học thuật và đạo đức nghiên cứu.</li> </ul> | 3 TC<br>(45LT) |
|----|-------|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|

#### B. Kiến thức tự chọn

|    |       |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                |
|----|-------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 55 | NN038 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần này giới thiệu một số vấn đề cơ bản trong lý luận về phương pháp dạy học nói chung và dạy học tiếng Anh nói riêng trong môi trường giảng dạy ở các trung tâm Anh ngữ hay ở trường phổ thông trung học. Người học có thể nhận ra và đánh giá các phương pháp giảng dạy khác nhau và được trang bị một số kỹ thuật quản lý lớp và ứng dụng các kiến thức đã được học vào thực tiễn giảng dạy.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |
|----|-------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|



|    |       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                |
|----|-------|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 56 | NN064 | Biên dịch báo chí    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN024</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/>Biên dịch báo chí là môn học cung cấp sinh viên những kiến thức nâng cao trong dịch thuật, đặc biệt chuyên về dịch thuật các văn bản theo phong cách báo chí thu thập từ các tờ báo, tạp chí, các trang thông tin trong và ngoài nước. Cụ thể sinh viên sẽ luyện dịch các thuật ngữ báo chí thông dụng, dịch tiêu đề và các thể loại báo. Luyện cách lược dịch các bài viết dài thành tin vắn. Đồng thời, qua môn học này sinh viên còn có cơ hội so sánh các bản dịch, phân tích 1 số lỗi thường gặp trong dịch thuật. Từ đó sinh viên nâng cao được kỹ năng dịch thuật của bản thân và có định hướng nghề nghiệp tốt hơn.</li> </ul>                                                                                                                                        | 2 TC<br>(30LT) |
| 57 | NN037 | Tiếng Anh Thương mại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/>Học phần Tiếng Anh Thương mại trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế. Thông qua tám chủ đề trọng tâm như thương hiệu, du lịch công tác, tổ chức doanh nghiệp, sự thay đổi, tài chính, quảng cáo, văn hóa và tuyển dụng, sinh viên sẽ được phát triển toàn diện bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) cùng với ngữ pháp, từ vựng và kỹ năng giao tiếp thương mại. Học phần kết hợp các hoạt động tình huống (case studies), luyện viết email, báo cáo, thuyết trình và tham gia cuộc họp, giúp sinh viên ứng dụng tiếng Anh trong các ngữ cảnh thực tế. Ngoài ra, sinh viên còn được rèn luyện tư duy phản biện và kỹ năng làm việc nhóm trong môi trường liên văn hóa.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                |
|----|-------|-----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 58 | NN039 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN038</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ thuật để quản lý lớp học, giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ, giảng dạy từ vựng, ngữ pháp và ngữ âm tiếng Anh. Người học được hướng dẫn cách thực hiện và thiết kế một giáo án giảng dạy các kỹ năng ngôn ngữ. Thông qua việc thiết kế giáo án, người học được phát triển kỹ năng tự đánh giá để phục vụ tốt hơn trong giảng dạy.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2 TC<br>(30LT) |
| 59 | NN065 | Biên dịch văn học và điện ảnh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN026</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Biên phiên dịch văn học và điện ảnh là môn học chuyên sâu về biên phiên dịch trong lĩnh vực văn học và điện ảnh nói riêng và văn hóa xã hội các nước nói chung, việc chuyển thể các câu chuyện văn bản thành phim. Để cung cấp một số trọng tâm chủ đề cho nghiên cứu và học, qua môn học này, sinh viên sẽ khám phá các bối cảnh khác nhau của văn học và điện ảnh, cũng như các mức độ chuyển thể khác nhau từ văn học qua phim ảnh - từ những bộ phim ít nhiều tạo thành những bản tái hiện trung thực của văn bản, đến những bộ phim chỉ đơn thuần có chung một chủ đề. Ngoài ra, như một phần giới thiệu về phân tích phức tạp của phương tiện này, chúng ta sẽ chọn lọc ra những tác phẩm hay được chuyển thể thành phim và so sánh các hình thức chuyển tải thông điệp qua ngôn ngữ dịch thuật chuyên về từng lĩnh vực. Sau khi học xong học phần này, người học có khả năng thực hành biên dịch Việt – Anh, Anh – Việt theo các cấp độ ngôn ngữ: theo phong cách văn chương, điện ảnh.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                |
|----|-------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 60 | NN057 | Tiếng Anh du lịch                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học, để từ đó ứng dụng vào công tác dịch thuật hoặc các công việc chuyên môn liên quan đến ngành du lịch.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 TC<br>(30LT) |
| 61 | NN066 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN029</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh mang đến cho sinh viên cơ hội được trải nghiệm tổ chức những hoạt động đa dạng bên ngoài phạm vi lớp học. Mục tiêu chính của môn học là tạo điều kiện cho sinh viên tổ chức các hoạt động sử dụng tiếng Anh trong môi trường thực tế. Học phần giúp sinh viên ứng dụng các kỹ năng quản lý học sinh, đa dạng hơn trong môi trường rộng hơn bên ngoài phạm vi lớp học, phát triển tác phong làm việc chuyên nghiệp trong tương lai. Học phần này cũng giúp sinh viên ý thức hơn về triết lý: học để phục vụ cộng đồng.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |
|----|-------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 62 | NN067 | Phiên dịch thương mại | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> NN029</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b></li> </ul> <p>Học phần Phiên dịch thương mại trang bị cho sinh viên những kiến thức nền tảng và kỹ năng thực hành cần thiết trong lĩnh vực phiên dịch, đặc biệt trong các tình huống giao tiếp chuyên ngành thương mại. Môn học tập trung phát triển các năng lực cốt lõi của người phiên dịch như: hiểu và phân tích thông điệp, rèn luyện trí nhớ, ghi chú hiệu quả, và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. Thông qua các bài học lý thuyết kết hợp thực hành theo từng giai đoạn (đối thoại và bài nói ngắn), sinh viên có cơ hội tiếp cận và luyện tập các kỹ năng phiên dịch trong các bối cảnh đa dạng như hội đàm, thương lượng, thuyết trình kinh doanh, v.v. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp sinh viên rèn luyện phản xạ ngôn ngữ, tư duy nhanh, khả năng xử lý tình huống, làm việc nhóm và đánh giá hiệu quả công việc phiên dịch. Môn học là nền tảng quan trọng để sinh viên phát triển chuyên sâu các kỹ năng phiên dịch trong môi trường chuyên nghiệp, chuẩn bị cho thực tiễn nghề nghiệp trong các lĩnh vực liên quan đến thương mại, kinh tế và đối ngoại.</p> | 2 TC<br>(30LT) |
|----|-------|-----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|



|    |       |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                |
|----|-------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 63 | NN058 | Tiếng Anh<br>Nhà hàng<br>khách sạn | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung học phần:</b><br/> <p>Học phần này trang bị cho sinh viên các kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để giao tiếp hiệu quả trong môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các nhà hàng và khách sạn. Thông qua các chủ đề thực tiễn như đặt món, phục vụ bữa sáng, giới thiệu đồ uống, đặt phòng, nhận và trả phòng, sinh viên sẽ được rèn luyện khả năng nghe, nói, đọc, viết trong bối cảnh giao tiếp thực tế. Học phần tập trung phát triển từ vựng chuyên ngành, cấu trúc câu thông dụng và kỹ năng xử lý tình huống thường gặp với khách hàng. Ngoài ra, sinh viên còn được tiếp cận các mẫu hội thoại và thực hành giao tiếp để nâng cao sự tự tin và chuyên nghiệp trong công việc sau này.</p> </li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |
|----|-------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|

### C. Khóa luận tốt nghiệp và học phần thay thế

|    |       |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |
|----|-------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 64 | NN045 | Khóa luận tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> <p>Học phần này giúp sinh viên thực hành nghiên cứu và viết một báo cáo khoa học đầu tay của mình về ngành học. Sinh viên sẽ tiếp xúc với cán bộ hướng dẫn để chọn một đề tài luận văn, sau đó sẽ tiến hành soạn đề cương luận văn và báo cáo kế hoạch làm việc của mình. Sau khi kế hoạch làm việc được thông qua, sinh viên sẽ thực hiện các công việc liên quan đến luận văn và báo cáo tiến độ công việc định kỳ trong thời gian thực hiện. Sau khi hoàn tất các công việc cơ bản của luận văn, sinh viên tiến hành viết báo cáo theo hướng dẫn trình bày của một luận văn tốt nghiệp. Khi được cán bộ hướng dẫn đồng ý, sinh viên sẽ tiến hành báo cáo kết quả của luận văn trước hội đồng.</p> </li> </ul> | 10 TC<br>(450TH) |
|----|-------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|



|    |       |                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                  |
|----|-------|------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| 65 | NN055 | Thực tập tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này giúp sinh viên được tiếp cận doanh nghiệp trong thời gian thực tập, thu thập dữ liệu sơ cấp hoặc thực hiện thu thập dữ liệu thứ cấp từ các tổ chức hữu quan; hệ thống lại kiến thức chuyên ngành và ứng dụng kiến thức của những học phần trong chương trình đào tạo để giải quyết vấn đề liên quan đến chuyên ngành Ngôn Ngữ Anh bao gồm giảng dạy, dịch thuật, văn văn. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng xử lý dữ liệu, viết báo cáo trong thời gian thực hiện Thực tập tốt nghiệp.</li> </ul> | 10 TC<br>(450TH) |
| 66 | NN047 | Văn hóa các nước nói tiếng Anh     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về các khía cạnh văn hóa của các nước nói tiếng Anh, kiến thức về các đặc trưng văn hóa của mỗi nước. Học phần còn giúp sinh viên phát triển nhận thức về sự khác biệt về văn hóa các quốc gia. Học phần tạo cơ hội cho sinh viên phát triển kỹ năng tiếp cận văn hóa nước ngoài, và cơ hội phát triển năng lực giao tiếp đa văn hóa.</li> </ul>                                                                                                                                    | 2 TC<br>(30LT)   |



|    |       |                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                |
|----|-------|---------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 67 | NN036 | Ngôn ngữ học<br>đối chiếu | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết:</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước:</b> NN025, NN034</li> <li>- <b>Học phần song hành:</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức nền về ngôn ngữ học đối chiếu; cơ sở của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ; các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ và các bình diện nghiên cứu đối chiếu. Sinh viên được thực hành đối chiếu các đơn vị ngôn ngữ, các hiện tượng ngôn ngữ, các hoạt động lời nói, các hiện tượng lời nói mà bản thân quan tâm vào các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp và ngữ dụng. Rèn luyện cho sinh khả năng nghiên cứu, thực hành đối chiếu xuyên ngữ/xuyên văn hóa trên mọi bình diện, mọi cấp độ và sử dụng có hiệu quả các kết quả đối chiếu trong thực hành tiếng.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |
| 68 | NN050 | Giao tiếp liên<br>văn hóa | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b><br/> Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản trong giao tiếp đa văn hóa bao gồm những yếu tố quan trọng về văn hóa được thể hiện trong giao tiếp ở môi trường kinh doanh, các tình huống xã hội hay sinh hoạt hàng ngày giữa các đối tác đến từ nhiều văn hóa khác nhau.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                |
|----|-------|----------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 69 | NN056 | Tiếng Anh văn phòng              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b></li> </ul> <p>Học phần là học phần chuyên ngành tự chọn nhằm trang bị kiến thức và kỹ năng liên quan đến môi trường làm việc văn phòng cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Anh. Nội dung học phần bao gồm các chủ đề về vật tư, tài liệu, máy móc liên quan đến môi trường làm việc văn phòng, cách chào hỏi, giúp đỡ khách hàng, lịch làm việc, cách tiếp nhận và thực hiện các cuộc gọi văn phòng, chất lượng làm việc của một nhân viên giỏi, các bộ phận trong văn phòng, thực hiện các cuộc hẹn với khách, các loại thư đặc thù trong kinh doanh, hội nghị.... Học phần nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc văn phòng; trang bị kiến thức ngôn ngữ bao gồm từ vựng theo chủ đề liên quan đến các hoạt động và môi trường công sở, phát triển và củng cố các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và tư duy phản biện.</p> | 2 TC<br>(30LT) |
| 70 | QL083 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Điều kiện tiên quyết (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần học trước (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Học phần song hành (nếu có):</b> Không</li> <li>- <b>Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:</b></li> </ul> <p>Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về chuyên ngành như quản trị chuỗi cung ứng. Ngoài ra, học phần còn cung cấp một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản về chuyên ngành trên để sinh viên có thể nghe, nói, viết, thuyết trình và đọc hiểu tham khảo tài liệu, sách báo chuyên ngành để phục vụ công tác chuyên môn.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2 TC<br>(30LT) |



|    |       |                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                |
|----|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| 71 | NN068 | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp - Ngôn Ngữ Anh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Điều kiện tiên quyết (nếu có): Không</li> <li>- Học phần học trước (nếu có): Không</li> <li>- Học phần song hành (nếu có): Không</li> <li>- Tóm tắt mục tiêu, nội dung của học phần:<br/> Học phần Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành, là một trong các học phần thay thế luận văn tốt nghiệp hay thực tập tốt nghiệp. Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về công việc tại các doanh nghiệp mà họ sẽ làm trong tương lai, từ đó giúp người học có khả năng phân tích kiến thức chuyên môn để tạo nền tảng cho việc học tập, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn liên quan đến chuyên ngành của họ trong doanh nghiệp, cũng như định hướng về nghề nghiệp tương lai.</li> </ul> | 2 TC<br>(30LT) |
|----|-------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|

### C. TÀI LIỆU THAM KHẢO

#### 1. Tài liệu giảng dạy

| STT | Tên giáo trình                 | Tên tác giả                   | Nhà xuất bản           | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                                                                                                                                                                             |
|-----|--------------------------------|-------------------------------|------------------------|--------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Giáo trình Giáo dục quốc phòng |                               | Bộ Giáo Dục và Đào tạo |              | GDQP&AN 1: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, GDQP&AN 2: Công tác quốc phòng và an ninh, GDQP&AN 3: Quân sự chung, GDQP&AN 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật |
| 2   | Bài giảng bóng chuyền          | Lê Quang Anh                  |                        | 2009         | Bóng chuyền 1, Bóng chuyền 2, Bóng chuyền 3                                                                                                                                                      |
| 3   | Giáo trình môn cờ vua          | Đàm Quốc Chính                | NXB ĐHSP Hà Nội        | 2004         | Cờ vua 1, Cờ vua 2, Cờ vua 3                                                                                                                                                                     |
| 4   | Giáo trình Taekwondo           | Nguyễn Văn Hòa, Đào Vũ Nguyên |                        |              | Taekwondo 1, Taekwondo 2, Taekwondo 3.                                                                                                                                                           |



|    |                                                                                   |                                                                  |                                          |      |                                 |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------|---------------------------------|
| 5  | Giáo trình Triết học Mác - Lênin                                                  | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                           | NXB Chính trị quốc gia Sự thật           | 2022 | Triết học Mác – Lênin           |
| 6  | Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT) | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                           | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2021 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin   |
| 7  | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – không chuyên LLCT)   | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                           | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2021 | Chủ nghĩa xã hội khoa học       |
| 8  | Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh                                                   | Bộ giáo dục và đào tạo                                           | NXB Chính trị quốc gia                   | 2021 | Tư tưởng HCM                    |
| 9  | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam                                                    | Bộ giáo dục và đào tạo                                           | NXB Chính trị quốc gia                   | 2021 | Lịch sử Đảng                    |
| 10 | Giáo trình Pháp luật Đại cương                                                    | Phan Trung Hiền                                                  | NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật           | 2022 | Pháp luật đại cương             |
| 11 | Giáo trình Kiến trúc máy tính                                                     | Vương Quốc Dũng                                                  | NXB Giáo dục Việt Nam                    | 2017 | Tin học ứng dụng                |
| 12 | Giáo trình Mạng máy tính.                                                         | Ngô Bá Hùng                                                      | NXB Giáo dục Việt Nam                    | 2014 |                                 |
| 13 | Khởi nghiệp tinh gọn (bản dịch)                                                   | Nguyễn Dương Hiếu, Trịnh Hoàng Kim Phụng, Đặng Nguyễn Hiếu Trung | NXB TPHCM                                | 2021 | Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp |
| 14 | Văn bản và lưu trữ học đại cương                                                  | Vương Đình Quyền, Nguyễn Văn Hàm                                 | Nhà xuất bản Giáo dục                    | 1997 | Văn bản và lưu trữ đại cương    |



|    |                                                                                |                                 |                              |      |                        |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|------------------------------|------|------------------------|
| 15 | <i>Echo 1</i> , Méthode de français                                            | J.Girardet & J. Pécheur (2008), | CLE International            | 2008 | Pháp văn căn bản 1,2,3 |
| 16 | Japanese Hiragana & Katakana for Beginners                                     | Timothy                         | Tuttle Publishing            | 2011 | Nhật ngữ căn bản 1     |
| 17 | Minna no Nihong I                                                              | Surie                           | 3A Corporation               | 1998 |                        |
| 18 | Minna no Nihong I                                                              | Surie                           | 3A Corporation               | 1998 | Nhật ngữ căn bản 2     |
| 19 | Minna no Nihong II                                                             | Surie                           | 3A Corporation               | 1998 |                        |
| 20 | Minna no Nihong II                                                             | Surie                           | 3A Corporation               | 1998 | Nhật ngữ căn bản 3     |
| 21 | Pathways: Reading, Writing & Critical Thinking Foundations (2nd edition)       | Laurie Blass, Mari Vargo        | National Geographic Learning | 2018 | Đọc 1, Viết 1          |
| 22 | Pathways: Reading, Writing & Critical Thinking 1 (2nd edition)                 | Laurie Blass, Mari Vargo        | National Geographic Learning | 2018 | Đọc 2, Viết 2          |
| 23 | Pathways: Reading, Writing & Critical Thinking 2 (2nd edition)                 | Laurie Blass, Mari Vargo        | National Geographic Learning | 2018 | Đọc 3,Viết 3           |
| 24 | Pathways: Listening, Speaking, and Critical Thinking Foundations (2nd edition) | Cynthia Fettig và Kathy Najafi  | National Geographic Learning | 2018 | Nghe - Nói 1           |



|    |                                                                                  |                                                                                                                 |                                        |      |                    |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------|--------------------|
| 25 | Pathways:<br>Listening,<br>Speaking, and<br>Critical Thinking<br>1 (2nd edition) | Rebecca<br>Tarver<br>Chase,<br>Kristin L.<br>Johannsen,<br>Paul<br>MacIntyre,<br>Kathy Najafi,<br>Cyndy Fetting | National<br>Geographic<br>Learning     | 2018 | Nghe - Nói 2       |
| 26 | Pathways:<br>Listening,<br>Speaking, and<br>Critical Thinking<br>2 (2nd edition) | Rebecca<br>Tarver<br>Chase,<br>Kristin L.<br>Johannsen,<br>Paul<br>MacIntyre,<br>Kathy Najafi,<br>Cyndy Fetting | National<br>Geographic<br>Learning     | 2018 | Nghe - Nói 3       |
| 27 | English<br>Pronunciation in<br>Use: Elementary                                   | Mark<br>Hancock                                                                                                 | Cambridge<br>University<br>Press       | 2007 | Ngữ âm thực hành 1 |
| 28 | English<br>pronunciation in<br>use - Elementary                                  | Hancock, M.                                                                                                     | Cambridge<br>University<br>Press       | 2007 | Ngữ âm thực hành 2 |
| 29 | Basic English<br>Grammar                                                         | Phạm Thị<br>Bích Ngân,<br>Luu Thu<br>Thuỷ                                                                       | Can Tho<br>University of<br>Technology | 2023 | Ngữ pháp 1         |
| 30 | Bài giảng<br>“Intermediate<br>Grammar”                                           | Huỳnh Tố<br>Uyên, Thái<br>Thị Bích<br>Phượng                                                                    | Can Tho<br>University of<br>Technology | 2024 | Ngữ pháp 2         |
| 31 | Understanding<br>and Using<br>English Grammar<br>(5th edition)                   | Betty S.<br>Azar, Stacy<br>A. Hagen                                                                             | Pearson<br>Education                   | 2016 |                    |



|    |                                                                                                                   |                                                 |                                  |      |                                                 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------|------|-------------------------------------------------|
| 32 | Ngữ pháp 3                                                                                                        | Thái Thị Bích Phượng,<br>Nguyễn Thị Minh Nguyệt | Bài giảng<br>(lưu hành nội bộ)   | 2023 | Ngữ pháp 3                                      |
| 33 | Chuyển đổi số                                                                                                     | Lindsay Herbert                                 | Thông tin và Truyền thông        | 2020 | Công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo       |
| 34 | Educational Research: Planning, Conducting and Evaluating Quantitative and Qualitative Research (4th edition)     | John W. Creswell                                | Pearson Publisher                | 2012 | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học |
| 35 | Research Methodology: Methods and Techniques (Multi Color Edition)                                                | C R Kothari, Gaurav Garg                        | New Age International Publisher  | 2008 |                                                 |
| 36 | Writing a Report: How to Prepare, Write & Present Really Effective Reports. How to Books Publisher.               | John Bowden                                     |                                  | 2011 |                                                 |
| 37 | Giáo trình Luật thương mại quốc tế song ngữ Anh - Việt do EU tài trợ trong khuôn khổ Dự án EU-Viet Nam MUTRAP III | Trường Đại học Luật Hà Nội                      | Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội. | 2017 | Pháp luật về hội nhập quốc tế                   |



|    |                                                                                                               |                                          |                                  |      |                                              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------|----------------------------------------------|
| 38 | Giáo trình Luật đầu tư quốc tế song ngữ Anh – Việt do EU tài trợ trong khuôn khổ Dự án EU-Viet Nam MUTRAP III | Trường Đại học Luật Hà Nội               | Nhà xuất bản Thanh niên, Hà Nội  | 2017 |                                              |
| 39 | The Study Of English (5th edition)                                                                            | George Yule                              | Cambridge University Press       | 2014 | Dẫn luận ngôn ngữ                            |
| 40 | Theory of Translation                                                                                         | Lê Kinh Quốc, Lưu Thu Thủy               | Can Tho University of Technology | 2023 | Lý thuyết dịch                               |
| 41 | Bài giảng Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học                                                                       | Thái Thị Bích Phượng, Phạm Thị Bích Ngân | Can Tho University of Technology | 2025 | Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học                |
| 42 | Translation Theory Course Packet                                                                              | Nguyễn Văn Sáu, Thái Công Dân            |                                  | 2022 | Biên dịch thực hành                          |
| 43 | English Phonetics and Phonology: A Practical Course, Fourth edition (5th printing 2012)                       | Peter Roach                              | Cambridge University Press       | 2010 | Ngữ âm - Âm vị học                           |
| 44 | Effective communication skills                                                                                | Sean Mc Pheat                            | MTD Training & Ventus Publishing | 2012 | Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng |
| 45 | The Art of Public Speaking (13th edition)                                                                     | Stephen E. Lucas                         | McGraw Hill                      | 2019 |                                              |



|    |                                                                                                    |                                                       |                                  |      |                        |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------------------|------|------------------------|
| 46 | Foundation Skills of Consecutive Interpreting: A Focus on Memory Training. A task-based coursebook | Nguyễn Thu Hương, Thái Công Dân, Trương Thị Ngọc Diệp | Can Tho University               | 2012 | Phiên dịch thực hành   |
| 47 | Britain for English Learners                                                                       | James O'Driscoll                                      | Oxford University Press          | 2009 | Văn hoá Anh - Mỹ       |
| 48 | American Culture                                                                                   | Đặng Thị Bảo Dung, Lê Văn Lành                        | Can Tho University               | 2017 |                        |
| 49 | Từ pháp - Cú pháp học                                                                              | Phạm Thị Bích Ngân<br>Lưu Thu Thủy                    | Bài giảng<br>(lưu hành nội bộ)   | 2025 | Từ pháp và Cú pháp học |
| 50 | Hình Thái học tiếng Anh - English Morphology                                                       | Tô Minh Thanh                                         | NXB Thanh Niên                   | 2024 |                        |
| 51 | Cú pháp học - English Syntax                                                                       | Tô Minh Thanh                                         | NXB Thanh Niên                   | 2024 |                        |
| 52 | An Introduction to Literature                                                                      | Đặng Thị Bảo Dung                                     | Can Tho University of Technology | 2025 | Dẫn luận văn chương    |
| 53 | British and American Literature                                                                    | Đặng Thị Bảo Dung                                     | Can Tho University of Technology | 2025 | Văn học Anh - Mỹ       |
| 54 | An Introduction to Writing Research Paper                                                          | Wa Thai Nhu Phuong                                    | Can Tho University               | 2018 | Viết học thuật         |



|    |                                                                        |                                                        |                                   |      |                                      |
|----|------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------|------|--------------------------------------|
| 55 | Scott Thornbury's<br>30 Language<br>Teaching<br>Methods                | Scott<br>Thornbury                                     | Cambridge<br>University<br>Press  | 2017 | Phương pháp giảng dạy<br>Tiếng Anh 1 |
| 56 | Techniques &<br>Principles in<br>Language<br>Teaching (3rd<br>edition) | Diane<br>Larsen-<br>Freeman,<br>Marti<br>Anderson      | Oxford<br>University<br>Press     | 2011 |                                      |
| 57 | Biên dịch báo chí                                                      | Đặng Thị<br>Bảo Dung                                   | Bài giảng<br>(lưu hành nội<br>bộ) | 2025 | Biên dịch báo chí                    |
| 58 | Market Leader<br>(new Edition).<br>Third<br>impression                 | David Cotton<br>& David<br>Falvey                      | Pearson Press                     | 2014 | Tiếng Anh thương mại                 |
| 59 | Teaching Practice<br>Handbook                                          | Roger<br>Gower,<br>Diane<br>Phillips,<br>Steve Walters | Macmillan<br>Education            | 2005 | Phương pháp giảng dạy<br>Tiếng Anh 2 |
| 60 | Teach English                                                          | Adrian Doff                                            | Cambridge<br>University<br>Press  | 1998 |                                      |
| 61 | Biên dịch Văn<br>học - Điện ảnh                                        | Đặng Thị<br>Bảo Dung                                   | Bài giảng<br>(lưu hành nội<br>bộ) | 2025 | Biên dịch văn học -<br>điện ảnh      |
| 62 | English For<br>International<br>Tourism:<br>Intermediate<br>Coursebook | Peter Strutt                                           | Pearson<br>Education<br>Limited   | 2018 | Tiếng Anh du lịch                    |



|    |                                                                                                                        |                            |                                                       |      |                                                         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------|------|---------------------------------------------------------|
| 63 | Sổ tay hướng dẫn xây dựng, phát triển môi trường học và sử dụng ngoại ngữ trong các trường trung học phổ thông. Tập 3. | Bộ giáo dục và đào tạo     | Tài liệu lưu hành nội bộ                              | 2019 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh |
| 64 | Phiên dịch thương mại                                                                                                  | Đặng Thị Bảo Dung          | Bài giảng (lưu hành nội bộ)                           | 2025 | Phiên dịch thương mại                                   |
| 65 | English for hotels and restaurants                                                                                     | Robert Majure, Jess Martin | NXB Tổng hợp TP. HCM                                  | 2016 | Tiếng Anh nhà hàng khách sạn                            |
| 66 | Quyết định thực hiện KLTH/TTTN                                                                                         |                            |                                                       | 2024 | Khoá luận tốt nghiệp, Thực tập tốt nghiệp               |
| 67 | British culture: an introduction                                                                                       | David P. Christopher       | Routledge Taylor & Francis Group, London and New York | 2015 | Văn hoá các nước nói tiếng Anh                          |
| 68 | Ngôn ngữ học đối chiếu                                                                                                 | Nguyễn Mạnh Hùng           | NXB Giáo dục                                          | 2008 | Ngôn ngữ học đối chiếu                                  |
| 69 | Cultural Intelligence: A Guide to Working with People from Other Cultures                                              | Brooks Peterson            | Independently Publisher                               | 2018 | Giao tiếp liên văn hoá                                  |
| 70 | Secretarial                                                                                                            | Virginia Evans             | Express Publishing                                    | 2011 | Tiếng Anh văn phòng                                     |
| 71 | English for Logistics Student's book                                                                                   | Marion Grussendorf         | Oxford University Press                               | 2010 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics                        |



|    |                                                                                                               |                                       |                              |      |                                                      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|------|------------------------------------------------------|
| 72 | Thám tử kỹ năng mềm: Định hướng nghề nghiệp                                                                   | Diane Lindsey Reeves và Connie Hansen | Nhà Xuất Bản Phụ Nữ Việt Nam | 2024 | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp - Ngôn ngữ Anh |
| 73 | Ready for Planet                                                                                              | Claire Moore                          | Eli Publishing               | 2022 |                                                      |
| 74 | <a href="https://www.topcv.vn/cach-viet-ky-nang-trong-cv">https://www.topcv.vn/cach-viet-ky-nang-trong-cv</a> |                                       |                              |      |                                                      |

## 2. Tài liệu hướng dẫn tự học

| STT | Tên tài liệu                                                                  | Tên tác giả                                                                                                   | Nhà xuất bản                             | Năm xuất bản | Sử dụng cho học phần                              |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------|
| 1   | Luật bóng chuyền                                                              | Ủy ban TDTT                                                                                                   | NXB Thể dục Thể thao                     | 2011         | Bóng chuyền 1,<br>Bóng chuyền 2,<br>Bóng chuyền 3 |
| 2   | Huấn luyện bóng chuyền                                                        | Đinh Lâm,<br>Nguyễn Bính                                                                                      | NXB Thể dục Thể thao                     | 1997         |                                                   |
| 3   | Giáo trình môn cờ vua                                                         | Đặng Thị Kim Quyên                                                                                            | NXB ĐHCT                                 | 2010         | Cờ vua 1,<br>Cờ vua 2,                            |
| 4   | Luật cờ vua                                                                   | Ủy ban Thể dục Thể thao                                                                                       | NXB TDTT Hà Nội                          | 2005         |                                                   |
| 5   | Căn bản Taekwondo                                                             | Hồ Hoàng Khánh                                                                                                | Thành phố Hồ Chí Minh : Thể dục thể thao | 1997         | Taekwondo 1<br>Taekwondo 2<br>Taekwondo 3         |
| 6   | Giáo trình giảng dạy kỹ thuật Taekwondo: (Dùng cho sinh viên Đại học Cần Thơ) | Đào Xen                                                                                                       | Can Tho University                       | 2009         |                                                   |
| 7   | Giáo trình Triết học Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung),                | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2013         | Triết học Mác - Lênin                             |



|    |                                                                                            |                                                                                                               |                                          |      |                               |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------|-------------------------------|
| 8  | Hỏi đáp môn triết học Mác-Lênin (dành cho bậc đại học chuyên và không chuyên LLCT)         | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                        | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2024 |                               |
| 9  | C.Mác và Ph.Ăngghen tập 2,3,4                                                              |                                                                                                               | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2004 |                               |
| 10 | Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)                      | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh | NXB Chính trị Quốc gia                   | 2013 | Kinh tế chính trị Mác - Lênin |
| 11 | Hỏi đáp môn Kinh tế chính trị Mác-Lênin (dành cho bậc đại học chuyên và không chuyên LLCT) | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                        | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2024 |                               |
| 12 | Thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam,                                     | Hà Huy Thành                                                                                                  | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2020 |                               |
| 13 | Sở hữu tập thể và kinh tế tập thể trong nền kinh tế thị trường XHCN ở Việt Nam             | Chữ Văn Lâm                                                                                                   | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2022 |                               |



|    |                                                                                                |                                                                                                               |                                          |      |                           |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------|---------------------------|
| 14 | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (Tái bản có sửa chữa, bổ sung)                            | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2010 | Chủ nghĩa xã hội khoa học |
| 15 | Hỏi đáp môn Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học chuyên và không chuyên LLCT)       | Bộ Giáo dục và Đào tạo                                                                                        | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2024 |                           |
| 16 | C.Mác và Ph.Ăngghen tập 2,3,4                                                                  |                                                                                                               | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2004 |                           |
| 17 | Xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam theo quan điểm Mác Xít                                   | Trường Quốc Chính                                                                                             | Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà Nội. | 2013 |                           |
| 18 | Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam                                           | Đại tướng Võ Nguyên Giáp                                                                                      | NXB Chính trị quốc gia Sự thật           | 2024 | Tư tưởng Hồ Chí Minh      |
| 19 | Chuyện kể về Bác Hồ qua các tài liệu và hiện vật                                               | Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch                                                             | NXB Chính trị quốc gia Sự thật           | 2021 |                           |
| 20 | Tư tưởng Hồ Chí Minh: Một số chuyên đề lý luận và thực tiễn                                    | PGS.TS. Nguyễn Ngọc Khá, ThS. Nguyễn Huỳnh Bích Phương                                                        | NXB Chính trị quốc gia Sự thật           | 2021 |                           |
| 21 | (2024), Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo Bác Hồ xây dựng đất nước hùng cường, thịnh vượng | PGS.TS. Hoàng Anh, TS. Trần Văn Đông                                                                          | NXB Chính trị quốc gia Sự thật           | 2024 |                           |



|    |                                                                                                         |                                                                                            |                                         |      |                     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------|---------------------|
| 22 | Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam                                                    | Đại tướng Võ Nguyên Giáp                                                                   | NXB Chính trị quốc gia Sự thật          | 2024 |                     |
| 23 | Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, tập 1,2,3,                                             | Bộ giáo dục và đào tạo                                                                     | NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội  | 2006 | Lịch sử Đảng        |
| 24 | Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ 1986 đến nay                                               | Học viện chính trị-hành chính quốc gia Hồ Chí Minh                                         | NXB. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội | 2001 |                     |
| 25 | Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội. | PGS. TS. Tô Huy Rứa, GS. TS. Hoàng Chí Bảo, PGS. TS. Trần Khắc Việt, PGS. TS. Lê Ngọc Tông | NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội  | 2009 |                     |
| 26 | Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới và hội nhập (Đại hội VI, VII, VIII, IX, X, XI                     | Đảng Cộng sản Việt Nam                                                                     | NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội  | 2013 |                     |
| 27 | Pháp luật đại cương                                                                                     | Lê Minh Toàn                                                                               | NXB Chính Trị Quốc Gia Sự Thật.         | 2022 | Pháp luật đại cương |
| 28 | Pháp luật đại cương và nhà nước pháp quyền                                                              | Triệu Quốc Mạnh                                                                            | NXB Tổng Hợp Thành Phố Hồ Chí Minh      | 2022 |                     |
| 29 | Sổ tay phòng chống mã độc và tấn công mạng cho người dùng máy tính                                      | Nguyễn Long Biên, Trịnh Thu Châu                                                           | NXB Thông tin và truyền thông           | 2020 | Tin học ứng dụng    |



|    |                                                                                                   |                                                           |                                |      |                                                            |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------------|------|------------------------------------------------------------|
| 30 | Xây dựng chương trình quản lý ngân hàng câu hỏi và tạo đề thi trắc nghiệm sử dụng định dạng latex | Lê Anh Xuân, Trần Quốc Duy, Dương Hùng Mạnh               | Trường Đại học KTCN Cần Thơ    | 2021 |                                                            |
| 31 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo                                                                      | Nguyễn Đăng Tuấn Minh                                     | NXB Phụ nữ                     | 2017 | Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp                            |
| 32 | Thực hành khởi nghiệp (bản dịch)                                                                  | Ramesh Dontha, Trần Thanh Phong                           | NXB Đà Nẵng                    | 2021 |                                                            |
| 33 | Soạn thảo và xử lý văn bản quản lý Nhà nước                                                       | Nguyễn Văn Thâm                                           | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội | 1999 | Văn bản và lưu trữ đại cương                               |
| 34 | Hướng dẫn kỹ thuật nghiệp vụ hành chính                                                           | Nguyễn Văn Thâm, Lưu Kiếm Thanh, Lê Xuân Lam, Bùi Xuân Lự | NXB Thống kê, Hà Nội           | 2003 |                                                            |
| 35 | Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật                                                          | Bộ Tư pháp                                                |                                | 2015 |                                                            |
| 36 | <i>Echo 1</i> , Méthode de francais                                                               | J.Girardet & J. Pécheur (2008),                           | CLE International              | 2008 | Pháp văn căn bản 1, 2, 3                                   |
| 37 | <i>Campus 1</i> , Méthode de francais- Livre                                                      | J.Girardet & J. Pécheur                                   | CLE International              | 2007 |                                                            |
| 38 | Grammaire progressive du Francais - Niveau débutant                                               | M. Grégoire & G. Merlo                                    | CLE International              | 2004 |                                                            |
| 39 | Minna no Nihongo 1-2 – Trình độ sơ cấp – 25 bài nghe                                              | Makino, Takana, Kitagawa                                  | 3A Corporation                 | 2003 | Nhật ngữ căn bản 1, Nhật ngữ căn bản 2, Nhật ngữ căn bản 3 |
| 40 | Minna No Nihongo 1-2 – Shokyude Yomeru Topikku 25                                                 | Makino et al                                              | 3A Corporation                 | 2000 |                                                            |



|    |                                                               |                                                               |                                                      |      |                 |
|----|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------|-----------------|
| 41 | Minna No Nihongo<br>1-2 – Bản dịch và<br>Giải thích Ngữ pháp  | Surie                                                         | 3A Corporation                                       | 1998 |                 |
| 42 | Basic IELTS<br>Reading                                        | Zhang Juan                                                    | Nhà xuất bản<br>Tổng hợp<br>Thành phố Hồ<br>Chí Minh |      | Đọc 1           |
| 43 | Interactions 1:<br>Reading                                    | Elaine Kirn,<br>Pamela<br>Hartmann                            | McGraw-Hill<br>Education                             | 2009 |                 |
| 44 | A Coursebook on<br>Reading                                    | Nguyễn Thu<br>Hương                                           | Can Tho<br>University                                | 2012 |                 |
| 45 | Interaction Access<br>(Reading)                               | James Mentel,<br>Pamela<br>Hartmann                           | McGraw-Hill<br>Education                             | 2007 | Đọc 2           |
| 46 | Interactions 2:<br>Reading                                    | Elaine Kirn,<br>Pamela<br>Hartmann                            | McGraw-Hill<br>Education                             | 2007 |                 |
| 47 | A Coursebook on<br>Reading                                    | Nguyễn Thu<br>Hương, Hồ<br>Phương Thủy,<br>Nguyễn Thái<br>Hữu | Can Tho<br>University                                | 2021 |                 |
| 48 | Effective Reading:<br>Reading Skills for<br>Advanced Students | Simon<br>Greenall,<br>Michael Swan                            | Cambridge<br>University<br>Press                     | 2001 | Đọc 3           |
| 49 | Reading Challenge 1<br>(2nd Edition)                          | Casey<br>Malarcher,<br>Andrea Janzen                          | Compass<br>Publishing                                | 2010 |                 |
| 50 | Mosaic 1: Reading                                             | Brenda<br>Wegmann,<br>Miki Prijic<br>Knezevic                 | McGraw-Hill/<br>Contemporary                         | 2002 |                 |
| 51 | Skillful Listening &<br>Speaking 2                            | Robyn Brinks<br>Lockwood,<br>David Bohlke                     | Macmillan<br>Education                               | 2018 | Nghe - Nói<br>1 |



|    |                                                       |                                                             |                              |      |                 |
|----|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------|-----------------|
| 52 | Basic Tactics for Listening                           | Jack C. Richards                                            | Oxford University Press      | 2003 |                 |
| 53 | Developing Tactics for Listening                      | Jack C. Richards                                            | Oxford University Press      | 2012 | Nghe - Nói<br>2 |
| 54 | Q: Skills for Success Listening and Speaking 1        | Jaimie Scanlon                                              | Oxford University Press      | 2011 |                 |
| 55 | Expanding Tactics for Listening (3rd edition)         | Jack C. Richards                                            | Oxford University Press      | 2012 | Nghe - Nói<br>3 |
| 56 | Q: Skills for Success Listening and Speaking 3        | Miles Craven, Kristin Donnalley Sherman                     | Oxford University Press      | 2015 |                 |
| 57 | Great Writing 1: Great Sentences for Great Paragraphs | Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun, Elena Vestri Solomon | National Geographic Learning | 2014 | Viết 1          |
| 58 | Effective Academic Writing: Introductory Student Book | Alice Savage                                                | Oxford University Press      | 2012 |                 |
| 59 | Great Writing 2: Great Sentences for Great Paragraphs | Keith S. Folse, April Muchmore-Vokoun, Elena Vestri Solomon | Heinle Cengage Learning      | 2010 | Viết 2          |
| 60 | Effective Academic Writing 1: The Paragraph           | Alice Savage                                                | Oxford University Press      | 2012 |                 |



|    |                                                                                                                |                                                                                        |                                    |      |                       |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------|-----------------------|
| 61 | Great Writing 3:<br>From Great<br>Paragraphs to Great<br>Essays                                                | Keith S.<br>Folse, April<br>Muchmore-<br>Vokoun,<br>Elena Vestri<br>Solomon            | National<br>Geographic<br>Learning | 2015 | Viết 3                |
| 62 | Effective Academic<br>Writing 2: The Short<br>Essay                                                            | Alice Savage                                                                           | Oxford<br>University<br>Press      | 2012 |                       |
| 63 | Clear Speech:<br>Pronunciation and<br>Listening<br>Comprehension in<br>North American<br>English (3rd edition) | Judy B.<br>Gilbert                                                                     | Cambridge<br>University<br>Press   | 2005 | Ngữ âm<br>thực hành 1 |
| 64 | Teaching<br>Pronunciation: A<br>Coursebook and<br>Reference Guide                                              | Marianne<br>Celce-Murcia,<br>Donna M.<br>Brinson, Janet<br>M. Goodwin,<br>Barry Griner | Cambridge<br>University<br>Press   | 2010 |                       |
| 65 | Tree of Three?                                                                                                 | Ann Baker                                                                              | Cambridge<br>University Press      | 1993 |                       |
| 66 | Ship or Sheep? An<br>Intermediate<br>Pronunciation<br>Course                                                   | Ann Baker                                                                              | Cambridge<br>University Press      | 2006 |                       |
| 67 | Tree or three?<br>Cambridge                                                                                    | Baker, A.                                                                              | Cambridge<br>University Press      | 1993 | Ngữ âm<br>thực hành 2 |
| 68 | Ship or sheep? An<br>Intermediate<br>Pronunciation<br>Course                                                   | Baker, A.                                                                              | Cambridge<br>University Press      | 2006 |                       |
| 69 | Teaching<br>Pronunciation: A<br>Course Book and<br>Reference Guide                                             | Celce-Murcia,<br>M., Brinton,<br>D., &<br>Goodwin, J.                                  | Cambridge<br>University Press      | 2010 |                       |



|    |                                                                                                                   |                                                                                        |                                      |      |            |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------|------------|
| 70 | Clear Speech:<br>Pronunciation and<br>Listening<br>Comprehension in<br>North American<br>English (3rd<br>Edition) | Gilbert, J. B.                                                                         | Cambridge<br>University Press        | 2005 |            |
| 71 | A University Course<br>in English Grammar<br>(3rd edition)                                                        | Angela<br>Downing,<br>Philip Locke                                                     | Prentice Hall                        | 2006 | Ngữ pháp 1 |
| 72 | English Grammar in<br>Use (5th edition)                                                                           | Raymond<br>Murphy                                                                      | Cambridge<br>University<br>Press     | 2019 |            |
| 73 | Practical English<br>Usage (4th edition)                                                                          | Michael Swan                                                                           | Oxford<br>University<br>Press        |      |            |
| 74 | A Communicative<br>Grammar (3rd<br>edition)                                                                       | Elaine Kim,<br>Darcy Jack                                                              | McGraw-Hill                          | 1996 | Ngữ pháp 2 |
| 75 | Oxford Guide to<br>English Grammar                                                                                | John<br>Eastwood                                                                       | Holt, Rinhart<br>and Winston,<br>Inc | 1997 |            |
| 76 | Destination B2<br>Grammar and<br>Vocabulary                                                                       | Malcolm<br>Mann, Steve<br>Taylore-<br>Knowles                                          | Macmillan<br>Education, Inc          | 2006 |            |
| 77 | English Syntax                                                                                                    | Tô Minh<br>Thanh                                                                       | NXB Thanh<br>Niên                    | 2024 | Ngữ pháp 3 |
| 78 | Grammar in Use                                                                                                    | Lê Xuân Mai,<br>Phương<br>Hoàng Yến,<br>Huỳnh Chí<br>Minh Huyền,<br>Huỳnh Minh<br>Hiền | Can Tho<br>University                | 2018 |            |



|    |                                                                                                                                                                                                 |                                      |                                                  |      |                                                 |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------------------------------|------|-------------------------------------------------|
| 79 | Practical English Grammar                                                                                                                                                                       | Lê Hoàng, Phan Công Chinh, Song Phúc | Vietnam National University of Ho Chi Minh Press | 2004 |                                                 |
| 80 | Giáo trình Chính sách kinh tế đối ngoại                                                                                                                                                         | Ngô Thị Tuyết Mai, Đỗ Thị Hương      | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội    | 2024 | Pháp luật về hội nhập quốc tế                   |
| 81 | Giáo trình Kinh doanh quốc tế                                                                                                                                                                   | Tạ Văn Lợi, Nguyễn Thị Hương         | Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội    | 2024 |                                                 |
| 82 | Doing Your Research Project (4th edition)                                                                                                                                                       | Judith Bell                          | Open University Press, United Kingdom            | 2005 | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học |
| 83 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=JgjMnb8BgSg&amp;list=PLkoslZnjO1Af fvUwbjh_LefXJWjh7fS5_">https://www.youtube.com/watch?v=JgjMnb8BgSg&amp;list=PLkoslZnjO1Af fvUwbjh_LefXJWjh7fS5_</a> |                                      |                                                  |      |                                                 |
| 84 | <a href="https://www.phamlocblog.com/2025/01/cach-su-dung-spss-trong-nghien-cuu-khoa-hoc.html">https://www.phamlocblog.com/2025/01/cach-su-dung-spss-trong-nghien-cuu-khoa-hoc.html</a>         |                                      |                                                  |      |                                                 |
| 85 | Đối chiếu Anh-Việt Máy vấn đề về Cú pháp, Ngữ nghĩa và Ngữ dụng                                                                                                                                 | Tô Minh Thanh                        | Vietnam National University of Ho Chi Minh Press | 2023 | Dẫn luận ngôn ngữ                               |
| 86 | English Morphology                                                                                                                                                                              | Tô Minh Thanh                        | NXB Thanh Niên                                   | 2024 |                                                 |



|    |                                                                                                |                                              |                                                  |      |                               |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|--------------------------------------------------|------|-------------------------------|
| 87 | English Phonetics and Phonology                                                                | Peter Roach                                  | Cambridge University Press                       | 1998 |                               |
| 88 | In other words: A coursebook on translation (3rd edition)                                      | Mona Baker                                   | Routledge Press                                  | 2018 | Lý thuyết dịch                |
| 89 | Introducing Translation Studies: Theories and Applications (4th edition)                       | Jeremy Munday                                | Routledge Press                                  | 2016 |                               |
| 90 | Becoming a translator: An introduction to the theory and practice of translation (3rd edition) | Douglas Robinson                             | Routledge Press                                  | 2012 |                               |
| 91 | English Semantics                                                                              | Tô Minh Thanh                                | NXB Thanh Niên                                   | 2024 | Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học |
| 92 | Đối chiếu Anh-Việt<br>Mấy vấn đề về Cú pháp, Ngữ nghĩa và Ngữ dụng.                            | Tô Minh Thanh                                | Vietnam National University of Ho Chi Minh Press | 2023 |                               |
| 93 | Semantics: A Coursebook                                                                        | James R. Hurford, Brendan Heasley            | NXB Trẻ                                          | 2002 |                               |
| 94 | Luyện dịch Anh – Việt & Việt – Anh                                                             | Lê Huy Lâm, Trương Hoàng Duy, Phạm Văn Thuận | NXB Tổng hợp TP. HCM                             | 2006 | Biên dịch thực hành           |



|     |                                                                              |                                                     |                             |      |                    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|-----------------------------|------|--------------------|
| 95  | Cẩm nang luyện dịch Việt – Anh                                               | Nguyễn Thu Huyền                                    | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội | 2011 |                    |
| 96  | Britain for English Learners - Workbook                                      | James O'Driscoll                                    | Oxford University Press     | 2009 | Văn hoá Anh – Mỹ   |
| 97  | Speak the Culture Britain                                                    | Andrew Whittaker                                    | Thorogood Publishing        | 2009 |                    |
| 98  | British Culture                                                              | David Christopher                                   | Routledge Press             | 2002 |                    |
| 99  | Spotlight on the USA                                                         | Randee Falk                                         | Oxford University Press     | 2019 |                    |
| 100 | American in Close-up                                                         | Eckhard F & etc                                     | Pearson Education           | 2001 |                    |
| 101 | American Ways: Introduction to American Culture                              | Maryanne Datesman, JoAnn Crandall, Edward N. Kearny | Pearson Education           | 2014 | Ngữ âm - Âm vị học |
| 102 | Pronunciation and Phonetics: A Practical Guide for English Language Teachers | Adam Brown                                          | Routledge Press             | 2014 |                    |
| 103 | Phonetics: A coursebook (Reprint 2013)                                       | Rachael-Anne Knight                                 | Cambridge University Press  | 2013 |                    |



|     |                                                                                                                                                                                                                       |                               |                                    |      |                        |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------------------------|------|------------------------|
| 104 | A superb approach to learning English sounds and pronunciation by Adrian Underhill (complete 1-hour workshop):<br><a href="http://www.youtube.com/watch?v=1kAPHyHd7Lo">http://www.youtube.com/watch?v=1kAPHyHd7Lo</a> |                               |                                    |      |                        |
| 105 | Phonetic charts & typing symbols:<br><a href="http://ipa.typeit.org/">http://ipa.typeit.org/</a>                                                                                                                      |                               |                                    |      |                        |
| 106 | Pronunciation tips:<br><a href="http://www.pronunciationtips.com/rhythm.htm">http://www.pronunciationtips.com/rhythm.htm</a>                                                                                          |                               |                                    |      |                        |
| 107 | BBC English – Pronunciation tips:<br><a href="http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/grammar/pron/">http://www.bbc.co.uk/worldservice/learningenglish/grammar/pron/</a>                                    |                               |                                    |      |                        |
| 108 | Rachel's English:<br><a href="http://www.rachelseenglish.com/">http://www.rachelseenglish.com/</a>                                                                                                                    |                               |                                    |      |                        |
| 109 | ướng dẫn kỹ thuật Phiên dịch Anh – Việt, Việt – Anh                                                                                                                                                                   | Nguyễn Quốc Hùng              | NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh | 2011 | Phiên dịch thực hành   |
| 110 | Introducing Interpreting Studies                                                                                                                                                                                      | Franz Pochhacker              | Routledge Press                    | 2016 |                        |
| 111 | Understanding and Using English Grammar (5th edition)                                                                                                                                                                 | Betty S. Azar, Stacy A. Hagen | Pearson Education                  | 2016 | Từ pháp và Cú pháp học |



|     |                                                                                                                              |                           |                                                     |      |                     |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|------|---------------------|
| 112 | English Syntax – A Grammar for English Language Professionals                                                                | Roderich A. Jacobs        | Oxford University Press                             | 1995 |                     |
| 113 | Analyzing English - An Introduction to Descriptive Linguistics (2nd edition)                                                 | Howard Jackson            | Pergamon Institute of English                       | 1981 |                     |
| 114 | Đối chiếu Anh-Việt<br>Mấy vấn đề về Cú pháp, Ngữ nghĩa và Ngữ dụng.                                                          | Tô Minh Thanh             | Vietnam National University of Ho Chi Minh Press    | 2023 |                     |
| 115 | An Introduction to Literary Studies (2nd edition)                                                                            | Mario Clarer              | Routledge Press                                     | 2004 | Dẫn luận văn chương |
| 116 | British literature from Chaucer to 18th century (ENG1C01): Study material (MA English, 1st semester core course)             | Musthafa, N. & Smitha, N. | School of Distance Education, University of Calicut | 2019 |                     |
| 117 | Brief history of English and American literature                                                                             | Henry A. Beers            | New York: Eaton & Mains                             | 1897 | Văn học Anh - Mỹ    |
| 118 | American and British authors: A text-book on literature for high school, academies, seminaries, normal schools, and colleges | Frank V. Irish            | Forgotten Books                                     | 1896 |                     |



|     |                                                                                                                                                                             |                                          |                                  |      |                                            |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------|--------------------------------------------|
| 119 | College Writing 4:<br>English for<br>Academic Success                                                                                                                       | Li-Lee<br>Tuceren,<br>Sharon<br>Cavusgil | Cengage<br>Learning              | 2006 | Viết học<br>thuật                          |
| 120 | A. writing: From<br>paragraph to essay                                                                                                                                      | Alice Oshima,<br>Ann Hogue               | Pearson/<br>Longman              | 2006 |                                            |
| 121 |                                                                                                                                                                             |                                          |                                  |      |                                            |
| 122 |                                                                                                                                                                             |                                          |                                  |      |                                            |
| 123 |                                                                                                                                                                             |                                          |                                  |      | Phương<br>pháp giảng<br>dạy Tiếng<br>Anh 1 |
| 124 | The Practice of<br>English Language<br>Teaching                                                                                                                             | Jeremy<br>Harmer                         | Pearson Press                    | 2015 |                                            |
| 125 | <a href="https://linguarian.com/methods/">https://linguarian.com/methods/</a>                                                                                               |                                          |                                  |      |                                            |
| 126 | <a href="https://tesoladvantage.com/methods-and-approaches-of-english-languageteaching/">https://tesoladvantage.com/methods-and-approaches-of-english-languageteaching/</a> |                                          |                                  |      | Biên dịch<br>báo chí                       |
| 127 | The science of<br>linguistics in the art<br>of translation: Some<br>tools from<br>linguistics for the<br>analysis and practice<br>of translation                            | Malone, J. L.                            | SUNY Press.                      | 1988 |                                            |
| 128 | The translation<br>studies reader (3rd<br>ed.)                                                                                                                              | Venuti, L.<br>(Ed.)                      | .. Routledge                     | 2012 |                                            |
| 129 | Career Paths<br>Business English                                                                                                                                            | John Taylor &<br>Feff Zeter.             | Express<br>Publishing            | 2011 | Tiếng Anh<br>thương mại                    |
| 130 | English for Business<br>Studies                                                                                                                                             | Ian Mackenzie                            | Cambridge<br>University<br>Press | 2010 |                                            |
| 131 | Cambridge English<br>for Human<br>Resources                                                                                                                                 | George<br>Sandford                       | Cambridge<br>University<br>Press | 2011 |                                            |



|     |                                                                                                                                                                                     |                   |                    |      |                                   |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|--------------------|------|-----------------------------------|
| 132 | The Practice of English Language Teaching                                                                                                                                           | Jeremy Harmer     | Pearson Press      | 2015 | Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh 2 |
| 133 | <a href="https://www.researchgate.net/publication/322976448_Teaching_Language_Skills">https://www.researchgate.net/publication/322976448_Teaching_Language_Skills</a>               |                   |                    |      |                                   |
| 134 | <a href="https://www.researchgate.net/publication/330953211_Teaching_Grammar_and_Vocabulary">https://www.researchgate.net/publication/330953211_Teaching_Grammar_and_Vocabulary</a> |                   |                    |      |                                   |
| 135 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=mVR3HtfN7Pc&amp;t=1723s">https://www.youtube.com/watch?v=mVR3HtfN7Pc&amp;t=1723s</a>                                                       |                   |                    |      |                                   |
| 136 | The science of linguistics in the art of translation: Some tools from linguistics for the analysis and practice of translation                                                      | Malone, J. L.     | SUNY Press         | 1988 | Biên dịch văn học - điện ảnh      |
| 137 | The translation studies reader (3rd ed.)                                                                                                                                            | Venuti, L. (Ed.)  | Routledge          | 2012 |                                   |
| 138 | Giáo trình Tiếng Anh Du Lịch                                                                                                                                                        | Đặng Thị Bảo Dung | Can Tho University | 2020 | Tiếng Anh du lịch                 |
| 139 | English Conversation Handbook For Tourists9 Around The World                                                                                                                        | Nguyễn Minh       | NXB Hong Duc       | 2012 |                                   |
| 140 | <a href="https://english.qts.edu.vn">https://english.qts.edu.vn</a>                                                                                                                 |                   |                    |      |                                   |



|     |                                                                                                                                                  |                                     |                                       |      |                                                                        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------|
| 141 | Websites:<br>Hospitalitynet,<br>Tnooz, Backpacks<br>and Bunkbeds                                                                                 |                                     |                                       |      |                                                                        |
| 142 | The leadership<br>training activity<br>book: 50 exercises<br>for building<br>effective leaders                                                   | Hart, L. B., &<br>Waisman, C.<br>S. | AMACOM                                | 2005 | Tổ chức<br>hoạt động<br>trải nghiệm<br>trong giảng<br>dạy Tiếng<br>Anh |
| 143 | An unequal playing<br>field: Extra-<br>curricular activities,<br>soft skills, and social<br>mobility                                             | Norrie, R., &<br>Wilkinson, D.      |                                       | 2021 |                                                                        |
| 144 | The science of<br>linguistics in the art<br>of translation: Some<br>tools from<br>linguistics for the<br>analysis and practice<br>of translation | Malone, J. L.                       | SUNY Press                            | 1988 | Phiên dịch<br>thương mại                                               |
| 145 | (2012). <i>The<br/>translation studies<br/>reader</i> (3rd ed.)                                                                                  | Venuti, L.<br>(Ed.)                 | Routledge                             | 2012 |                                                                        |
| 146 | Giáo trình Tiếng<br>Anh Du Lịch                                                                                                                  | Đặng Thị Bảo<br>Dung                | Can Tho<br>University                 | 2020 | Tiếng Anh<br>nhà hàng<br>khách sạn                                     |
| 147 | Hotel English: A<br>hands-on course for<br>hotel professionals                                                                                   |                                     | NXB Tổng hợp<br>TP. HCM               |      |                                                                        |
| 148 | Restaurant English:<br>A<br>hands-on course for<br>restaurant<br>professionals                                                                   |                                     | NXB Tổng hợp<br>TP. HCM               |      |                                                                        |
| 149 | Research<br>Methodology:<br>Methods and<br>Techniques (Multi<br>Color Edition)                                                                   | C R Kothari,<br>Gaurav Garg         | New Age<br>International<br>Publisher | 2008 | Khoá luận<br>tốt nghiệp,<br>Thực tập tốt<br>nghiệp                     |



|     |                                                                                                                                                       |                                                              |                            |      |                                |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------|------|--------------------------------|
| 150 | Educational Research: Planning, Conducting and Evaluating Quantitative and Qualitative Research (4th edition)                                         | John W. Creswell                                             | Pearson Publisher          | 2012 |                                |
| 151 | English as a global language (2nd edition)                                                                                                            | David Crystal                                                | Cambridge University Press | 2003 | Văn hoá các nước nói tiếng Anh |
| 152 | Cultural differences in Vietnam: Differences in work-related values between Western and Vietnamese culture and cultural awareness at higher education | Trần Thiện Quỳnh Trân                                        | UFB University Leiden      | 2018 |                                |
| 153 | Contrastive Linguistics (1st edition)                                                                                                                 | Ping Ke                                                      | Springer                   | 2019 | Ngôn ngữ học đối chiếu         |
| 154 | Contrastive analysis and error analysis                                                                                                               | Mohammad Hossein Kashavars                                   | Rahnama Press              | 2012 |                                |
| 155 | Contrastive analysis in language: Identifying linguistic units of comparison                                                                          | Dominique Willems, Bart Defrancq, Timothy Coleman, Dirk Noel | Palgrave Macmillan         | 2003 |                                |
| 156 | Intercultural Communication in Contexts (7th edition)                                                                                                 | Judith N. Martin, Thomas K. Nakayama                         | McGraw Hill Publisher      | 2017 | Giao tiếp liên văn hoá         |



|     |                                                                                                                                                                                       |                       |                                   |      |                                                    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|------|----------------------------------------------------|
| 157 | Cultural Differences in Vietnam: Differences in Work-related Values between Western and Vietnamese Culture and Cultural Awareness at Higher Education                                 | Trần Thiện Quỳnh Trân |                                   | 2018 |                                                    |
| 158 | Ready for Planet, Intermediate, Student's book                                                                                                                                        | Claire Moore          | Eli Publishing                    | 2022 |                                                    |
| 159 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=sGRkVqr8EII">https://www.youtube.com/watch?v=sGRkVqr8EII</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 160 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=seCkNSgMrQE">https://www.youtube.com/watch?v=seCkNSgMrQE</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 161 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=YAV4SDgVv-o">https://www.youtube.com/watch?v=YAV4SDgVv-o</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 162 | Tiếng Anh văn phòng                                                                                                                                                                   |                       | Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin. | 2013 | Tiếng anh văn phòng                                |
| 163 | English for Office and Business Conversation                                                                                                                                          | Susan Dean, J-Zwier   | First News                        | 2016 |                                                    |
| 164 | Flash on English for Transport & Logistics (2nd edition)                                                                                                                              | Ernesto D'Acunto      | Eli Publishing                    | 2017 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics                   |
| 165 | <a href="https://preply.com/en/blog/b2b-english-for-logistics/">https://preply.com/en/blog/b2b-english-for-logistics/</a>                                                             |                       |                                   |      |                                                    |
| 166 | <a href="https://englishlearnersweb.wordpress.com/business-english/english-onlogistics-jobs/">https://englishlearnersweb.wordpress.com/business-english/english-onlogistics-jobs/</a> |                       |                                   |      |                                                    |
| 167 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=4-QU7WiVxh8">https://www.youtube.com/watch?v=4-QU7WiVxh8</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 168 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=MMYz9Pu01RI">https://www.youtube.com/watch?v=MMYz9Pu01RI</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 169 | <a href="https://www.youtube.com/watch?v=9sOGL4ujipY">https://www.youtube.com/watch?v=9sOGL4ujipY</a>                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |
| 170 | You Tube videos về kỹ năng xin việc                                                                                                                                                   |                       |                                   |      | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp-Ngôn ngữ Anh |
| 171 | You Tube videos về viết CV, đơn xin việc                                                                                                                                              |                       |                                   |      |                                                    |
| 172 | You Tube videos về phỏng vấn xin việc                                                                                                                                                 |                       |                                   |      |                                                    |



### 3. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

Đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT và Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT

| STT | Họ tên                   | Học vị,<br>năm tốt<br>nghiệp, nơi<br>tốt nghiệp | Ngành và<br>chuyên ngành<br>học                | Giảng dạy các học<br>phần                                                                                                 |
|-----|--------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Lê Kinh Quốc             | Tiến sĩ<br>2020<br>Việt Nam                     | Ngôn ngữ học so<br>sánh đối chiếu<br>tiếng Anh | - Ngữ âm - Âm vị học<br>- Dẫn luận ngôn ngữ<br>- Ngôn ngữ học đối<br>chiếu                                                |
| 2   | Trần Thiện<br>Quỳnh Trân | Tiến sĩ<br>2018<br>Hà Lan                       | Tiếng Anh với<br>Khoa học xã hội<br>và hành vi | - Phương pháp nghiên<br>cứu khoa học (Tiếng<br>Anh)<br>- Giao tiếp liên văn<br>hóa<br>- Văn hóa các nước<br>nói tiếng Anh |
| 3   | Đặng Thị Bảo<br>Dung     | Tiến sĩ<br>2021<br>Việt Nam                     | Ngôn ngữ học so<br>sánh đối chiếu              | - Dẫn luận văn<br>chương<br>- Văn học Anh - Mỹ<br>- Nghe nói nâng cao                                                     |
| 4   | Lưu Thu Thủy             | Thạc sĩ<br>2008<br>Việt Nam                     | Giảng dạy Ngôn<br>ngữ Anh                      | - Viết 1<br>- Viết 2<br>- Viết 3                                                                                          |
| 5   | Phạm Thị Bích<br>Ngân    | Thạc sĩ<br>2009<br>Việt Nam                     | Giảng dạy Ngôn<br>ngữ Anh                      | - Ngữ pháp 1<br>- Từ pháp học và<br>Cú pháp học<br>- Thực tế ngoài<br>trường                                              |
| 6   | Ngô Uyên<br>Phương       | Thạc sĩ<br>2013<br>Úc                           | Giảng dạy Ngôn<br>ngữ Anh                      | - Biên dịch thực hành<br>- Biên dịch nâng cao                                                                             |



|    |                        |                             |                                            |                                                                            |
|----|------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 7  | Nguyễn Thị Yên Chi     | Thạc sĩ<br>2009<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Phiên dịch thực hành<br>- Phiên dịch nâng cao                            |
| 8  | Huỳnh Tổ Uyên          | Thạc sĩ<br>2010<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Đọc 1<br>- Ngữ pháp 2                                                    |
| 9  | Diệp Bình Nguyên       | Thạc sĩ<br>2013<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Ngữ âm thực hành 2<br>- Nói trước công chúng                             |
| 10 | Nguyễn Thị Minh Nguyệt | Thạc sĩ<br>2010<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1<br>- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 |
| 11 | Thái Thị Bích Phượng   | Thạc sĩ<br>2012<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Ngữ pháp 3<br>- Ngữ nghĩa học và Ngữ dụng học                            |
| 12 | Tạ Thành Nam           | Thạc sĩ<br>2011<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Đọc 2<br>- Đọc 3                                                         |
| 13 | Châu Thanh Miêu        | Thạc sĩ<br>2019<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Kỹ năng giao tiếp (Tiếng Anh)<br>- Nghe - Nói 2                          |
| 14 | Thái Phan Bảo Hân      | Thạc sĩ<br>2022<br>Việt Nam | Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh | - Nghe - Nói 1<br>- Nghe - Nói 3                                           |



|    |                           |                             |                                                     |                                                                      |
|----|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|
| 15 | Lê Văn Lành               | Thạc sĩ<br>2019<br>Việt Nam | Lý luận và<br>phương pháp<br>giảng dạy tiếng<br>Anh | - Tiếng Anh Nhà<br>hàng Khách sạn<br>- Văn hóa Anh<br>- Văn hóa Mỹ   |
| 16 | Trần Thị Cẩm<br>Nang      | Thạc sĩ<br>2023<br>Việt Nam | Lý luận và<br>phương pháp<br>giảng dạy tiếng<br>Anh | - Ngữ âm thực hành 1<br>- Ngữ âm nâng cao                            |
| 17 | Vũ Thúy Đan               | Thạc sĩ<br>2024<br>Việt Nam | Lý luận và<br>phương pháp<br>giảng dạy tiếng<br>Anh | - Tiếng Anh du lịch<br>- Tiếng Anh văn<br>phòng                      |
| 18 | Huỳnh Hồng<br>Huyền       |                             |                                                     | - Viết nâng cao<br>- Kỹ năng viết báo<br>cáo                         |
| 19 | Võ Minh Đức               | Tiến sĩ<br>2018<br>Việt Nam | Quản lý giáo dục                                    | - Nhật ngữ căn bản 1<br>- Nhật ngữ căn bản 2<br>- Nhật ngữ căn bản 3 |
| 20 | Trương Minh<br>Nhật Quang | Tiến sĩ<br>2009<br>Việt Nam | Toán học                                            | - Tin học căn bản                                                    |
| 21 | Nguyễn Hoàng<br>Viện      | Thạc sĩ<br>2020<br>Việt Nam | Triết học                                           | - Triết học Mác-Lênin<br>- Kinh tế chính trị<br>Mác-Lênin            |
| 22 | Phạm Thị Huệ              | Tiến sĩ<br>2024<br>Việt Nam | Lịch sử Việt Nam                                    | - Tư tưởng Hồ Chí<br>Minh<br>- Lịch sử Đảng Cộng<br>sản Việt Nam     |
| 23 | Nguyễn Thị<br>Hồng Hạnh   | Tiến sĩ<br>2018<br>Đức      | Khoa học máy<br>tính                                | - Sử dụng công nghệ<br>trong việc dạy và học<br>ngôn ngữ             |
| 24 | La Bảo Trúc Ly            | Tiến sĩ<br>2017<br>Úc       | Kỹ thuật hóa vật<br>liệu                            | - Tiếng Anh chuyên<br>ngành Logistics                                |



|    |                      |                             |                               |                                        |
|----|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|
| 25 | La Hồng Liên         | Thạc sĩ<br>2010<br>Việt Nam | Kinh tế Kinh<br>doanh quốc tế | - Tiếng Anh chuyên<br>ngành Thương mại |
| 26 | Lương Văn Thông      | Thạc sĩ<br>2011<br>Việt Nam | Vật lý Kỹ<br>thuật            | - Đổi mới sáng tạo và<br>Khởi nghiệp   |
| 27 | Nguyễn Văn Tổ<br>Hữu | Thạc sĩ<br>2019<br>Việt Nam | Luật kinh tế                  | - Pháp luật đại cương                  |

#### 4. Đội ngũ nhân viên hỗ trợ cấp khoa

| STT | Họ tên                | Chức vụ     | Đơn vị                      | Nhiệm vụ                | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-------------|-----------------------------|-------------------------|---------|
| 1   | Nguyễn Trung Trực     | Chuyên viên | Trung tâm Đào tạo bồi dưỡng | Chuyên trách hành chính |         |
| 2   | Nguyễn Bình Trọng     | Chuyên viên | Phòng Đào tạo               | Chuyên trách hành chính |         |
| 3   | Lương Phạm Hoàng Long | Chuyên viên | Phòng Đào tạo               | Chuyên trách hành chính |         |
| 4   | Trương Thị Tuyết Đông | Chuyên viên | Phòng CTCT-QLSV-KN          | Chuyên trách Y tế       |         |
| 5   | Nguyễn Thành Nguyễn   | Chuyên viên | Phòng QLKH-HTQT-ĐMST        | Chuyên trách Thư viện   |         |
| 6   | Ngô Thị Ngọc Tuyết    | Chuyên viên | Phòng QLKH-HTQT-ĐMST        | Chuyên trách Thư viện   |         |
| 7   | Phan Ngọc Uyển        | Chuyên viên | Phòng Tổ chức - Hành chính  | Chuyên trách hành chính |         |



|    |                      |             |                            |                         |  |
|----|----------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|--|
| 8  | Võ Thị Ý Thư         | Chuyên viên | Phòng Tổ chức - Hành chính | Chuyên trách hành chính |  |
| 9  | Nguyễn Thị Mỹ Phương | Chuyên viên | Phòng Tổ chức - Hành chính | Chuyên trách Phục vụ    |  |
| 10 | Đặng Trọng Phúc      | Chuyên viên | Phòng Tổ chức - Hành chính | Chuyên trách hành chính |  |
| 11 | Nguyễn Minh Thiệp    | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách hành chính |  |
| 12 | Đặng Hoàng Sơn       | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách hành chính |  |
| 13 | Trần Văn Hà          | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách Bảo vệ     |  |
| 14 | Nguyễn Thanh Phong   | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách Bảo vệ     |  |
| 15 | Ngô Minh Khương      | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách Bảo vệ     |  |
| 16 | Hồ Duy Dũng          | Chuyên viên | Phòng Quản trị thiết bị    | Chuyên trách Bảo vệ     |  |
| 17 | Nguyễn Hạnh Xuân     | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Chuyên trách hành chính |  |
| 18 | Nguyễn Phương Anh    | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch - Tài chính | Chuyên trách hành chính |  |



|    |                         |             |                               |                         |  |
|----|-------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------|--|
| 19 | Nguyễn Hoàng Thúy Quỳnh | Chuyên viên | Phòng Kế hoạch - Tài chính    | Chuyên trách hành chính |  |
| 20 | Phan Văn Vện            | Chuyên viên | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | Chuyên trách hành chính |  |

#### D. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

#### E. PHỤ LỤC

**Phụ lục 1. Ma trận tương thích giữa mục tiêu CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường**

| POs<br>TLGD, SM              | PO1 | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 |
|------------------------------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
|                              |     |     |     |     |     |     |
| Triết lý giáo dục của Trường | x   | x   | x   | x   | x   | x   |
| Sứ mạng của Trường           | x   | x   | x   | x   | x   | x   |
| Sứ mạng của Khoa             | x   | x   | x   | x   | x   | x   |

**Phụ lục 2. Ma trận tương thích giữa CDR CTĐT với Triết lý giáo dục, Sứ mạng của Trường**

| PLOs<br>TLGD, SM             | PL O1 | PL O2 | PL O3 | PL O4 | PL O5 | PL O6a | PL O6b | PL O7 | PL O8 | PL O9 |
|------------------------------|-------|-------|-------|-------|-------|--------|--------|-------|-------|-------|
|                              |       |       |       |       |       |        |        |       |       |       |
| Triết lý giáo dục của Trường | x     | x     | x     | x     | x     | x      | x      | x     | x     | x     |
| Sứ mạng của Trường           | x     | x     | x     | x     | x     | x      | x      | x     | x     | x     |
| Sứ mạng của Khoa             | x     | x     | x     | x     | x     | x      | x      | x     | x     | x     |

**Phụ lục 3. Ma trận kết nối mục tiêu (POs) và CDR của CTĐT (PLOs)**

| Chuẩn đầu ra | Mục tiêu  |     |         |     |                           |     |
|--------------|-----------|-----|---------|-----|---------------------------|-----|
|              | Kiến thức |     | Kỹ năng |     | Mức tự chủ và trách nhiệm |     |
|              | PO1       | PO2 | PO3     | PO4 | PO5                       | PO6 |



|                                  |              |   |   |   |   |   |   |
|----------------------------------|--------------|---|---|---|---|---|---|
| <b>Kiến thức</b>                 | <b>PLO1</b>  | x |   |   |   |   |   |
|                                  | <b>PLO2</b>  |   | x |   |   |   |   |
|                                  | <b>PLO3</b>  |   |   | x |   |   |   |
|                                  | <b>PLO4</b>  |   | x |   |   |   | x |
| <b>Kỹ năng</b>                   | <b>PLO5</b>  |   |   | x | x |   |   |
|                                  | <b>PLO6a</b> |   |   |   | x |   |   |
|                                  | <b>PLO6b</b> |   |   | x |   |   | x |
|                                  | <b>PLO7</b>  | x |   |   | x |   | x |
| <b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b> | <b>PLO8</b>  |   |   |   |   | x |   |
|                                  | <b>PLO9</b>  |   |   |   |   |   | x |

**Phụ lục 4. Ma trận kết nối giữa CDR CTĐT với Khung NLTDQG**

| <b>KTĐQG</b> | <b>CDR ngành NNA</b> |             |             |             |             |              |              |             |             |             |
|--------------|----------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|-------------|-------------|-------------|
|              | <b>PLO 1</b>         | <b>PLO2</b> | <b>PLO3</b> | <b>PLO4</b> | <b>PLO5</b> | <b>PLO6a</b> | <b>PLO6b</b> | <b>PLO7</b> | <b>PLO8</b> | <b>PLO9</b> |
| <b>KT1</b>   |                      |             | x           |             |             |              |              |             |             |             |
| <b>KT2</b>   | x                    |             |             |             |             |              |              |             |             |             |
| <b>KT3</b>   | x                    |             |             |             |             |              |              |             |             |             |
| <b>KT4</b>   |                      |             | x           | x           |             |              |              |             |             |             |
| <b>KT5</b>   |                      |             | x           | x           |             |              |              |             |             |             |
| <b>KN1</b>   |                      |             |             |             |             |              |              | x           |             |             |
| <b>KN2</b>   |                      |             |             |             | x           |              | x            | x           |             |             |
| <b>KN3</b>   |                      |             |             |             |             | x            |              |             |             |             |
| <b>KN4</b>   |                      |             |             |             |             | x            |              |             |             | x           |
| <b>KN5</b>   |                      |             |             |             |             |              | x            |             |             |             |







|          |                                    |      |   |  |  |  |   |  |  |   |   |
|----------|------------------------------------|------|---|--|--|--|---|--|--|---|---|
| 5        | Giáo dục thể chất 1*               | I, R |   |  |  |  | R |  |  | R | R |
| 6        | Giáo dục thể chất 2*               | R    |   |  |  |  | R |  |  | R | R |
| 7        | Giáo dục thể chất 3*               | R    |   |  |  |  | R |  |  | R | R |
| <i>c</i> | <b>Kiến thức lý luận chính trị</b> |      |   |  |  |  |   |  |  |   |   |
| 8        | Triết học Mác - Lênin              | I    |   |  |  |  | R |  |  | M |   |
| 9        | Kinh tế chính trị Mác – Lênin      | I    |   |  |  |  | R |  |  | M |   |
| 10       | Chủ nghĩa xã hội khoa học          | I    |   |  |  |  | R |  |  | M |   |
| 11       | Tư tưởng Hồ Chí Minh               | I    |   |  |  |  | R |  |  | R |   |
| 12       | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam     | I    |   |  |  |  | R |  |  | R |   |
| <i>d</i> | <b>Kiến thức pháp luật</b>         |      |   |  |  |  |   |  |  |   |   |
| 13       | Pháp luật đại cương                | I, R |   |  |  |  | R |  |  | M |   |
| <i>e</i> | <b>Ngoại ngữ</b>                   |      |   |  |  |  |   |  |  |   |   |
| 14       | Pháp văn căn bản 1                 |      | R |  |  |  | R |  |  | R |   |
|          | Nhật ngữ căn bản 1                 |      | R |  |  |  | R |  |  | R |   |
| 15       | Pháp văn căn bản 2                 |      | R |  |  |  | R |  |  | R |   |
|          | Nhật ngữ căn bản 2                 |      | R |  |  |  | R |  |  | R |   |
| 16       | Pháp văn căn bản 3                 |      | R |  |  |  | R |  |  | R |   |



|          |                                               |      |   |  |   |  |   |  |   |   |   |
|----------|-----------------------------------------------|------|---|--|---|--|---|--|---|---|---|
|          | Nhật ngữ căn bản 3                            |      | R |  |   |  | R |  |   | R |   |
| <i>f</i> | <i>Tin học</i>                                |      |   |  |   |  |   |  |   |   |   |
| 17       | Tin học ứng dụng                              |      | R |  |   |  | R |  |   | R |   |
|          | <i>Khiến thức khoa học xã hội và nhân văn</i> |      |   |  |   |  |   |  |   |   |   |
| 18       | Đổi mới sáng tạo và Khởi nghiệp               |      |   |  | M |  | M |  | M | M | M |
| 19       | Văn bản và lưu trữ đại cương                  | I, R |   |  |   |  | M |  | M | M | M |

## 2. Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

|          |                              |  |  |      |  |      |      |      |  |   |   |
|----------|------------------------------|--|--|------|--|------|------|------|--|---|---|
| <i>a</i> | <i>Kiến thức cơ sở ngành</i> |  |  |      |  |      |      |      |  |   |   |
| 20       | Đọc 1                        |  |  | I, R |  | R    | R    | R    |  | R | R |
| 21       | Đọc 2                        |  |  | M    |  | M    | M    | M    |  | R | R |
| 22       | Đọc 3                        |  |  | M, A |  | M    | M    | M    |  | M | M |
| 23       | Nghe - Nói 1                 |  |  | I, R |  | R    | R    | R    |  | R | R |
| 24       | Nghe - Nói 2                 |  |  | M    |  | M    | M    | M    |  | M | M |
| 25       | Nghe - Nói 3                 |  |  | M, A |  | M, A | M, A | M, A |  | M | M |
| 26       | Viết 1                       |  |  | I, R |  | R    | R    | R    |  | R | R |
| 27       | Viết 2                       |  |  | M    |  | M, A | M    | M    |  | M | M |
| 28       | Viết 3                       |  |  | M, A |  | M, A | M, A | M, A |  | M | M |
| 29       | Ngữ âm thực hành 1           |  |  | R, M |  | M    | M    |      |  | M | M |



|          |                                                             |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
|----------|-------------------------------------------------------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 30       | Ngữ âm thực hành 2                                          |      |      | M    |      | M    | M    |      |      | M    | M    |
| 31       | Ngữ pháp 1                                                  |      |      | R, M |      | R, M | R, M | R, M |      | R    | R    |
| 32       | Ngữ pháp 2                                                  |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 33       | Ngữ pháp 3                                                  |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 34       | Công nghệ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo                   |      | M    |      |      |      | R, M |      |      | R, M |      |
| <b>b</b> | <b>Kiến thức ngành</b>                                      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| 35       | <b>Học phần bắt buộc</b>                                    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |      |
| 36       | Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học (tiếng Anh) |      |      |      | M, A |      | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 37       | Pháp luật về hội nhập quốc tế                               | M    |      |      | R    |      | R, M |      | R, M | R, M |      |
| 38       | Dẫn luận ngôn ngữ                                           |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | R    | R    |
| 39       | Lý thuyết dịch                                              |      |      | R, M |      | M, A | M    |      |      | M    | M    |
| 40       | Ngữ nghĩa và Ngữ dụng học                                   |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 41       | Biên dịch thực hành                                         |      |      | R, M |      | M, A | M    | M    |      | M, A |      |
| 42       | Văn hóa Anh - Mỹ                                            |      |      | M, A |      | M    | M, A | R    |      | R    | M, A |
| 43       | Ngữ âm - Âm vị học                                          |      |      | M, A |      | M, A |      |      |      |      | M, A |
| 44       | Kỹ năng thuyết trình và nói trước công chúng                |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 45       | Phiên dịch thực hành                                        |      |      | M, A |      | M, A |      | M    |      | M, A | M, A |
| 46       | Từ pháp và Cú pháp học                                      |      |      | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M, A | M, A |
| 47       | Thực tập thực tế ngành nghề - Ngôn ngữ Anh                  | M, A | M, A | M, A |      | M, A | M, A | M, A | M, A | M, A | M, A |
| 48       | Dẫn luận văn chương                                         |      |      | M    | I    | M, A | M, A | I, R |      | R    | M, A |
| 49       | Văn học Anh - Mỹ                                            |      |      | M, A | I    | M, A | M, A | R    |      | R    | M, A |



|    |                                                         |  |  |      |      |      |      |      |      |      |      |
|----|---------------------------------------------------------|--|--|------|------|------|------|------|------|------|------|
| 50 | Viết học thuật                                          |  |  | M, A | M, A | M, A |      | R, M |      | M    | R    |
|    | <b>Học phần tự chọn</b>                                 |  |  |      |      |      |      |      |      |      |      |
| 51 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1                       |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M, A | M, A | M, A | M, A |
| 52 | Biên dịch báo chí                                       |  |  | M, A |      |      | M, A | R    |      | M, A | R    |
| 53 | Tiếng Anh Thương mại                                    |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M    |      | M    | M, A |
| 54 | Phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2                       |  |  | A    |      | A    | A    | A    | A    | A    | A    |
| 55 | Biên dịch văn học - điện ảnh                            |  |  | M, A |      |      | M, A | R    |      | M, A | A    |
| 56 | Tiếng Anh du lịch                                       |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M, A | M, A | M    | M    |
| 57 | Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong giảng dạy Tiếng Anh |  |  | M, A |      | M, A | M    | M    |      | M, A | M, A |
| 58 | Phiên dịch thương mại                                   |  |  | M, A |      | M, A |      | M, A |      | M, A | M, A |
| 59 | Tiếng Anh nhà hàng khách sạn                            |  |  | M    |      | M, A | M, A | M, A |      | M, A | M, A |
|    | <b>Thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp</b>        |  |  |      |      |      |      |      |      |      |      |
| 60 | Thực tập tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh                        |  |  | A    | A    | A    | A    | A    | A    | M, A | M, A |
| 61 | Khóa luận tốt nghiệp Ngôn ngữ Anh                       |  |  | A    | A    | A    | A    | A    | A    | M, A | M, A |
|    | <b>Các học phần thay thế</b>                            |  |  |      |      |      |      |      |      |      |      |
| 62 | Văn hóa các nước nói tiếng Anh                          |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M, A | M, A |
| 63 | Ngôn ngữ học đối chiếu                                  |  |  | M, A | R    | M, A | M, A | R    |      | R    | M, A |
| 64 | Giao tiếp liên văn hóa                                  |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 65 | Tiếng Anh văn phòng                                     |  |  | M, A |      | M, A | M, A | M, A |      | M    | M    |
| 66 | Tiếng Anh chuyên ngành Logistics                        |  |  | M    |      | M, A | M    | M    | M    | M    | M    |



|    |                                                      |  |  |      |  |   |   |   |   |   |   |
|----|------------------------------------------------------|--|--|------|--|---|---|---|---|---|---|
| 67 | Chuyên đề ngành nghề tại doanh nghiệp – Ngôn ngữ Anh |  |  | R, M |  | M | M | M | M | M | M |
|----|------------------------------------------------------|--|--|------|--|---|---|---|---|---|---|

TCTN: Viết tắt cụm từ “Mức độ tự chủ và trách nhiệm”

Ghi chú: Mức độ đóng góp, hỗ trợ của học phần đối với PLOs được xác định như sau:

- *I (Introduced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu.*
- *R (Reinforced): Học phần có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...*
- *M (Mastery): Học phần có hỗ trợ cao, đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu.*
- *A (Assessed): Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần phải có.*

#### Phụ lục 6. Đối sánh khung chương trình đào tạo

Đối sánh khung chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh với chương trình đào tạo cùng ngành của các Trường khác:

**Bảng đối sánh các khối kiến thức trong CTDH ngành NNA của một số trường ĐH và trường ĐH KTCN CT**

| Nội dung                                         | Trường ĐH Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ | Trường ĐH Cần Thơ | Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Quốc gia Hà Nội |
|--------------------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|------------------------------------------|
| <b>Tổng số tín chỉ</b>                           | 130                                    | 130               | 129                                      |
| <b>1. Kiến thức đại cương</b>                    | 27                                     | 28                | 21                                       |
| <b>2. Kiến thức chuyên nghiệp</b>                | 103                                    | 102               | 108                                      |
| Trong đó:                                        |                                        |                   |                                          |
| - Bắt buộc                                       | 81                                     | 77                | 60                                       |
| - Tự chọn                                        | 22                                     | 25                | 48                                       |
| <b>2.1 Số tín chỉ thuộc kiến thức tốt nghiệp</b> | 10                                     | 10                | 09                                       |
| <b>2.2 Số tín chỉ thực tập, thực tế</b>          | 2                                      | 2                 | 3                                        |
| <b>3. Thời gian đào tạo</b>                      | 11 học kỳ, 4 năm                       | 8 học kỳ, 4 năm   | 8 học kỳ, 4 năm                          |

(Nguồn: Khoa KHXH, 2025)

Bảng đối sánh cho thấy tổng số tín chỉ của ba trường tương đối ngang bằng nhau, dao động trong khoảng 129-130 tín chỉ. Điều này cho thấy khối lượng học tập tổng thể của chương trình Ngôn ngữ Anh tại trường ĐH KTCN CT tương đồng với các trường đại học lớn khác trong nước. Việc tuân thủ khung tín chỉ tiêu chuẩn giúp chương trình



đào tạo có sự tương thích, thuận lợi cho việc công nhận văn bằng và liên thông, liên kết đào tạo sau này.

Đối với khối kiến thức đại cương, ĐHKTCN CT và Đại học Cần Thơ (ĐHCT) có khối lượng kiến thức đại cương tương đối cao hơn so với Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHNN-ĐHQGHN). Khối kiến thức này bao gồm các môn về lý luận chính trị, pháp luật, ngoại ngữ thứ hai, tin học và khoa học xã hội - nhân văn. Việc có 27 tín chỉ kiến thức đại cương giúp sinh viên được trang bị nền tảng rộng về khoa học xã hội, chính trị, pháp luật và công nghệ thông tin. Điều này góp phần hình thành phẩm chất công dân toàn cầu và khả năng thích ứng cao trong môi trường làm việc đa dạng. Đặc biệt, việc có 10 tín chỉ ngoại ngữ thứ hai hỗ trợ mạnh mẽ cho chuẩn đầu ra PO2 và PLO2 về năng lực ngoại ngữ thứ hai.

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, ĐHKTCN CT có tổng khối lượng kiến thức chuyên nghiệp cao thứ hai (103 TC với tỷ lệ bắt buộc:tự chọn khoảng 3.7:1) sau ĐHNN-ĐHQGHN (108 TC với tỷ lệ bắt buộc:tự chọn khoảng 1.25:1), và cao hơn ĐHCT (102 TC với tỷ lệ bắt buộc:tự chọn khoảng 3.1:1). Với tỷ lệ tín chỉ bắt buộc cao (81 TC) đảm bảo rằng tất cả sinh viên tốt nghiệp ngành Ngôn ngữ Anh tại trường ĐHKTCN CT đều được trang bị một nền tảng kiến thức và kỹ năng chuyên môn cốt lõi vững vàng, rất quan trọng cho định hướng ứng dụng. Điều này giúp sinh viên có thể tự tin đảm nhận các công việc ngay sau khi ra trường.

Tuy nhiên, lượng tín chỉ tự chọn thấp (22 TC) so với ĐHNN-ĐHQGHN (48 TC) có thể làm giảm tính linh hoạt của chương trình. Điều này hạn chế khả năng sinh viên tự định hướng, đào sâu vào các lĩnh vực chuyên môn cụ thể mà họ quan tâm (như Biên - Phiên dịch, Giảng dạy tiếng Anh, Tiếng Anh Kinh doanh, Tiếng Anh Du lịch) hoặc phát triển các kỹ năng vượt trội theo định hướng cá nhân. Mặc dù vậy, so với ĐHCT thì sự chênh lệch này cũng không quá lớn (ĐHKTCN CT: 22 tín chỉ, ĐHCT: 25 tín chỉ), mặt khác, ĐHNN-ĐHQGHN là một trường đại học chuyên đào tạo ngôn ngữ nên cần có nhiều định hướng chuyên sâu hơn so với một trường đại học chuyên đào tạo các ngành thuộc khối kỹ thuật - công nghệ. Cuối cùng, bảng đối sánh trên cũng cho thấy ĐHKTCN CT và ĐHCT đều dành 10 tín chỉ cho kiến thức tốt nghiệp, cao hơn một chút so với 9 tín chỉ của ĐHNN-ĐHQGHN.

Việc dành 02 tín chỉ cho học phần "Thực tế thực hành nghề nghiệp - Ngôn ngữ Anh" giúp sinh viên sớm được tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, hình thành định hướng nghề nghiệp và rèn luyện thái độ chuyên nghiệp. Đặc biệt, sự hiện diện của tùy chọn "Thực tập tốt nghiệp - Ngôn ngữ Anh" lên đến 10 tín chỉ là một điểm mạnh lớn cho chương trình định hướng ứng dụng. Điều này cho phép sinh viên có một khoảng thời gian đáng kể để thực sự trải nghiệm và làm việc trong môi trường chuyên nghiệp, nâng cao năng lực ứng dụng kiến thức và kỹ năng giải quyết vấn đề trong thực tiễn (PLO5, PLO6b, PLO7). Hơn nữa, việc cung cấp nhiều lựa chọn như Khóa luận tốt nghiệp (nghiên cứu), Thực tập tốt nghiệp (thực hành) hoặc các Học phần thay thế là



một ưu điểm nổi bật của chương trình đào tạo ngành NNA của ĐHKTCN CT. Điều này cho phép sinh viên lựa chọn con đường phù hợp nhất với năng lực và định hướng nghề nghiệp của mình, tối ưu hóa việc đạt được các chuẩn đầu ra về năng lực nghiên cứu (PLO4) hoặc ứng dụng nghề nghiệp (PLO5, PLO6b, PLO7). Đây là yếu tố quan trọng trong một chương trình định hướng ứng dụng.

Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2025

**HIỆU TRƯỞNG**



**Huỳnh Thanh Nhã**

**P. ĐÀO TẠO**



**Nguyễn Minh Tuấn**

**KHOA KHOA HỌC XÃ HỘI  
TRƯỞNG KHOA**



**Lưu Thu Thủy**

